

BỘ Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4838 /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bảng kiểm tra kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Y tế dự phòng, Bộ Y tế.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Bảng kiểm tra kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”

Điều 2. Cục Y tế dự phòng có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc tổ chức thực hiện, tổng hợp đánh giá kết quả kiểm tra Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh hằng năm và báo cáo Bộ Y tế theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành; các văn bản qui định trước đây trái với quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 4. Các Ông/Bà: Chánh Văn phòng Bộ; Chánh Thanh tra Bộ; Vụ trưởng, Cục trưởng, Tổng Cục trưởng các đơn vị thuộc Bộ Y tế; Viện trưởng các Viện thuộc lĩnh vực Y tế dự phòng; Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đ/c Thứ trưởng;
- Công TTĐT Bộ Y tế;
- Lưu: VT, DP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Xuân Tuyên

HƯỚNG DẪN
KIỂM TRA KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ TRUNG
TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TUYẾN TỈNH HÀNG NĂM
(ban hành kèm Quyết định số /QĐ-BYT, ngày tháng năm 2020 của Bộ Y tế)

1. Mục đích kiểm tra:

- a) Đánh giá về công tác chỉ đạo điều hành của đơn vị.
- b) Đánh giá chất lượng, hiệu quả và năng lực thực hiện nhiệm vụ chuyên môn hàng năm của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tuyến tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (CDC).
- c) Làm căn cứ để đánh giá công tác Thi đua hàng năm cho đơn vị.
- d) Làm căn cứ để lựa chọn đơn vị thuộc lĩnh vực y tế dự phòng đủ điều kiện và tiêu chuẩn đề nghị xét khen thưởng hàng năm.

2. Đối tượng kiểm tra:

Trung tâm CDC tuyến tỉnh (thành lập theo Thông tư số 26/2017/TT-BYT ngày 26/6/2017 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tuyến tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

3. Kết cấu bảng kiểm tra: Bảng kiểm tra kết cấu làm 02 phần:

- Phần A dùng để kiểm tra công tác chỉ đạo điều hành chung của đơn vị.
- Phần B dùng để kiểm tra công tác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được xây dựng trên cơ sở các văn bản quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm CDC tuyến tỉnh.

4. Nguyên tắc kiểm tra:

- Sở Y tế tỉnh, thành phố căn cứ vào nhiệm vụ chuyên môn giao cho Trung tâm CDC tuyến tỉnh để quyết định điểm chuẩn tự kiểm tra.
- Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ chuyên môn: chỉ kiểm tra các nhiệm vụ chuyên môn được Sở Y tế giao cho đơn vị.
- Đánh giá cho điểm các tiêu chí: dựa vào hồ sơ, tài liệu, báo cáo minh chứng cho hoạt động và thực tế đã triển khai thực hiện, cán bộ trực tiếp kiểm tra quyết định cho điểm các tiêu chí được phân công kiểm tra (chỉ đánh giá các hoạt động đã thực hiện trong năm kiểm tra).
- Một tiêu chí kiểm tra được chia nhiều mức độ “kết quả thực hiện” thì chỉ chấm điểm ở một mức độ tương ứng với kết quả thực hiện.

5. Các bước tiến hành:

a) Tự kiểm tra, chấm điểm của đơn vị theo Bảng kiểm tra Bộ Y tế ban hành:

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao, Trung tâm CDC tuyến tỉnh tự chấm điểm, tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao và báo cáo Sở Y tế.

b) Sở Y tế kiểm tra kết quả thực hiện chức năng nhiệm vụ hằng năm của trung tâm CDC tuyến tỉnh theo nội dung Bảng kiểm tra Bộ Y tế ban hành.

c) Giám sát công tác kiểm tra: Cục Y tế dự phòng là đầu mối phối hợp với các Vụ, Cục, Viện liên quan tổ chức giám sát công tác kiểm tra hằng năm tại địa phương.

d) Phúc tra: Cục Y tế dự phòng là đầu mối phối hợp với các Vụ, Cục, Viện liên quan tiến hành phúc tra kết quả kiểm tra các Trung tâm CDC tuyến tỉnh phổ khi có kiến nghị của Trung tâm CDC tuyến tỉnh hoặc đề nghị của Sở Y tế.

6. Thời gian tiến hành kiểm tra, phúc tra:

Công tác kiểm tra, phúc tra hoàn thành trước ngày 15/12 hằng năm.

7. Báo cáo kết quả kiểm tra:

Sở Y tế các tỉnh, thành phố báo cáo kết quả kiểm tra về Cục Y tế dự phòng trước ngày 30/12 hằng năm để Cục tổng hợp báo cáo và làm căn cứ để đề xuất xét khen thưởng và báo cáo Bộ Y tế theo quy định.

8. Hồ sơ báo cáo kết quả kiểm tra bao gồm:

- Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra theo Bảng kiểm tra.
- Biên bản kiểm tra của Sở Y tế.

9. Cách tính điểm:

a) Điểm chuẩn kiểm tra cho từng đơn vị bằng (điểm phần A) + (điểm phần B) trong đó điểm phần A luôn cố định (30 điểm); điểm phần B (chuyên môn) do Sở Y tế quyết định phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao của đơn vị được tính theo phần ghi chú tại mỗi bảng điểm.

b) Điểm kiểm tra của đơn vị được tính bằng tổng điểm đạt phần A (công tác chỉ đạo điều hành) và phần B (thực hiện công tác chuyên môn) chia cho điểm chuẩn của đơn vị được đoàn kiểm tra xác định.

c) Kết quả chấm điểm của đơn vị được quy đổi ra tỷ lệ phần trăm (%) điểm chuẩn.

Ví dụ: điểm phần A đạt 30/30; điểm phần B đạt 60/70 thì kết quả chấm điểm là: $(30 + 60)/(30 + 70) \times 100\% = 90\%$ điểm chuẩn.

10. Phân loại kết quả kiểm tra:

STT	Hạng đơn vị	Phân loại kết quả chấm điểm (% điểm chuẩn)			
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
1	I	$\geq 90\%$	80% đến < 90%	70% đến < 80%	< 70%
2	II	$\geq 85\%$	75% đến < 85%	65% đến < 75%	< 65%
3	III, IV, chưa phân hạng	$\geq 80\%$	70% đến < 80%	60% đến < 70%	< 60%

Ghi chú: Trong chức năng nhiệm vụ được giao, nếu có khoa chuyên môn bị điểm liệt (đạt 0 điểm) thì phân loại kết quả kiểm tra sẽ tính giảm 1 mức xếp loại.

Ví dụ: Điểm chuẩn kiểm tra của Trung tâm là 100 điểm, kết quả chấm điểm của đơn vị đạt 94% (đơn vị hạng I), nếu không có khoa nào bị điểm liệt thì phân loại kết quả kiểm tra đơn vị đạt loại Tốt, nếu đơn vị có 1 khoa bị điểm liệt (0 điểm) thì phân loại kết quả kiểm tra đơn vị chỉ đạt loại Khá.

11. Tiêu chuẩn đề nghị xét khen thưởng (Cờ thi đua):

STT	Tiêu chuẩn
1	Kết quả điểm kiểm tra cuối năm: - Đơn vị Hạng I đạt $\geq 95\%$ điểm chuẩn; - Đơn vị Hạng II đạt $\geq 90\%$ điểm chuẩn; - Đơn vị Hạng III, IV và chưa phân hạng đạt $\geq 85\%$ điểm chuẩn.
2	Chi bộ, Đảng bộ đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh
3	Công đoàn cơ sở đạt tiêu chuẩn vững mạnh xuất sắc
4	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đạt tiêu chuẩn vững mạnh xuất sắc
5	Đơn vị đạt tiêu chuẩn đơn vị xanh, sạch đẹp (theo tiêu chí của Bộ Y tế)
6	Đơn vị đạt danh hiệu cơ quan văn hóa

Trong quá trình thực hiện kiểm tra và chuẩn bị hồ sơ đề nghị khen thưởng nếu có vướng mắc xin liên hệ Phòng Y tế công cộng và Dinh dưỡng, Cục Y tế dự phòng số điện thoại: 024 37367187 hoặc số 0912208830 để được giải đáp./.

BẢNG KIỂM TRA
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ TRUNG TÂM KIỂM
SOÁT BỆNH TẬT TỈNH/THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG
(ban hành kèm theo Quyết định số: 4838/BYT, ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ Y tế)

Tên đơn vị:

Địa chỉ: (đường phố, xã, phường, thị trấn)

Quận/huyện/thị xã/thành phố:

Tỉnh/thành phố:

Số điện thoại cơ quan:; số Fax:

Ngày tháng năm 20....

GIÁM ĐỐC

A. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH: 30 ĐIỂM

TT (1)	Nội dung kiểm tra (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
1	Công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động		4		
1.1	Đề án vị trí việc làm của đơn vị trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc đề án đã được phê duyệt	Xây dựng “Đề án vị trí việc làm” theo quy định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt	1		
		Không thực hiện	0		
1.2	Quy định về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các khoa, phòng thuộc Trung tâm: Quyết định thành lập Trung tâm của cấp có thẩm quyền	Thực hiện đúng Quyết định đã được phê duyệt	1		
		Thực hiện không đúng Quyết định đã được phê duyệt	0		
1.3	Công tác quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức, người lao động: Kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; kế hoạch quy hoạch lãnh đạo Trung tâm và các khoa, phòng để tham mưu cho Sở Y tế theo quy định	Có xây dựng kế hoạch hàng năm và tham mưu cho Sở Y tế	1		
		Không thực hiện	0		
1.4	Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nghĩa vụ của công chức, viên chức, người lao động: Kế hoạch, biên bản, sổ sách lưu về việc kiểm tra, đánh giá công chức, viên chức, người lao động trong việc thực hiện nghĩa vụ được quy định tại Luật công chức, Luật viên chức	Có kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghĩa vụ của công chức, viên chức, người lao động hàng năm và thực hiện đầy đủ	1		
		Thực hiện không đầy đủ	0,5		
		Không thực hiện	0		
2	Thực hiện chế độ chính sách đối với viên chức và người lao động		2		
2.1	Thực hiện các quyền của công chức, viên chức, người lao động: Hồ sơ, sổ sách lưu về việc thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách; tiền lương, tiền	Thực hiện đầy đủ	2		
		Thực hiện không đầy đủ	1		
		Không thực hiện	0		

TT (1)	Nội dung kiểm tra (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
	thưởng, các loại bảo hiểm, thi đua khen thưởng... đúng theo quy định của pháp luật				
3	Thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị		4		
3.1	Hội nghị cán bộ, viên chức hàng năm: Sổ sách ghi chép, biên bản Hội nghị, nghị quyết... theo quy định hiện hành	Tổ chức Hội nghị theo quy định.	1		
		Tổ chức Hội nghị không theo quy định.	0,5		
		Không thực hiện	0		
3.2	Các nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị: Nội dung và hình thức thông báo đến cán bộ, viên chức của đơn vị	Có xây dựng nội quy, quy chế cơ quan và niêm yết công khai	2		
		Có xây dựng nội quy, quy chế cơ quan nhưng không niêm yết tại cơ quan	1		
		Không thực hiện	0		
3.3	Văn bản chỉ đạo, điều hành của cơ quan quản lý cấp trên liên quan đến công việc của cơ quan: Hồ sơ, sổ sách, văn bản của đơn vị	Được thông báo, phổ biến đến các khoa, phòng và tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ	1		
		Được thông báo, phổ biến đến các khoa, phòng nhưng không đầy đủ	0,5		
		Không thực hiện	0		
4	Công tác kế hoạch, triển khai thực hiện và báo cáo		2		
4.1	Công tác xây dựng và triển khai kế hoạch của đơn vị: Bản kế hoạch năm của đơn vị được Sở Y tế phê duyệt; kế hoạch quý, tháng và kết quả thực hiện	Xây dựng kế hoạch khả thi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức thực hiện đầy đủ đảm bảo tiến độ	1		
		Thực hiện đầy đủ nhưng chưa đảm bảo tiến độ theo kế hoạch đề ra	0,5		
		Thực hiện không theo kế hoạch	0		
4.2	Công tác báo cáo: Báo cáo định kỳ 3 tháng, 6 tháng và cả năm; báo cáo đột xuất của đơn vị (nếu có)	Thực hiện đầy đủ	1		
		Thực hiện không đầy đủ	0,5		
		Không thực hiện	0		

TT (1)	Nội dung kiểm tra (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
5	Công tác quản lý kinh phí, vật tư, hóa chất, thuốc, trang thiết bị, phương tiện		6		
5.1	Quản lý trang thiết bị làm việc trong cơ quan, đơn vị: Văn bản quy định về sử dụng trang thiết bị phục vụ chuyên môn, danh mục và sổ theo dõi sử dụng trang thiết bị, lý lịch máy, kế hoạch hiệu chuẩn, hiệu chỉnh máy móc, trang thiết bị	Có quy định và sổ sách liên quan đến quản lý, sử dụng trang thiết bị phục vụ chuyên môn, khai thác sử dụng, hiệu quả, tiết kiệm	2		
		Có quy định và sổ sách liên quan đến quản lý, sử dụng trang thiết bị nhưng không đầy đủ, khai thác sử dụng hiệu quả thấp	1		
		Không thực hiện	0		
5.2	Quản lý tài chính: Kế hoạch sử dụng ngân sách đã được cấp thẩm quyền phê duyệt	Thực hiện đúng quy chế chi tiêu nội bộ; Sử dụng kinh phí đúng quy định hiện hành	2		
		Thực hiện không đúng quy chế chi tiêu nội bộ; sử dụng kinh phí không đúng quy định hiện hành	0		
5.3	Quản lý vật tư, thuốc, hóa chất, vắc xin: Sổ sách về việc tiếp nhận, quản lý, phân phối: vật tư, thuốc, hóa chất...; kho chứa các thiết bị bảo quản; việc thực hiện các quy định về bảo quản thuốc, hóa chất, vắc xin sinh phẩm y tế theo các quy định của Bộ Y tế và các quy định hiện hành khác	Xây dựng quy chế quản lý vật tư, thuốc, hóa chất, vắc xin và thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành	2		
		Thực hiện không đầy đủ các quy định	1		
		Không thực hiện	0		
6	Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị văn phòng		4		
6.1	Công tác quản lý, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng của đơn vị: Phòng làm việc, phòng xét nghiệm đảm bảo các quy định về an toàn sinh học của Bộ Y tế, nhà kho, khu vực dịch vụ: đảm bảo không bị thấm, dột, tường không bị bong tróc	Có kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở hạ tầng hàng năm; 100% các phòng không bị thấm dột, tường không bị bong tróc; phòng xét nghiệm đạt an toàn sinh học	2		
		Có kế hoạch bảo dưỡng cơ sở hạ tầng hàng năm ≥80% các phòng không bị	1		

TT (1)	Nội dung kiểm tra (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
		thăm đột, tường không bị bong tróc, Phòng xét nghiệm đạt an toàn sinh học			
		Không đảm bảo các tiêu chí trên	0		
6.2	Trang thiết bị văn phòng: Các văn bản quy định về quản lý, sử dụng trang thiết bị văn phòng, kiểm tra cụ thể về trang thiết bị làm việc của cán bộ, viên chức theo các quy định của pháp luật	Có quy định về sử dụng trang thiết bị văn phòng; 100% cán bộ viên chức có đủ trang thiết bị làm việc theo yêu cầu công việc được giao	2		
		≥90% cán bộ viên chức có đủ trang thiết bị làm việc theo yêu cầu công việc được giao	1		
		Không đảm bảo các điều kiện trên	0		
7	Công tác quản lý thông tin		2		
7.1	Hệ thống quản lý thông tin nội bộ: Các văn bản, quy định liên quan và hệ thống, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành, quản lý nhân sự, thông tin nội bộ	Có quy trình quản lý thông tin nội bộ và triển khai thực hiện đầy đủ, đảm bảo quá trình thu thập, xử lý, truyền thông tin hiệu quả	1		
		Có quy trình quản lý thông tin nội bộ và triển khai thực hiện không đầy đủ, hiệu quả thấp	0,5		
		Không thực hiện	0		
7.2	Hệ thống quản trị cơ sở dữ liệu về chuyên môn nghiệp vụ: Các văn bản, quy định liên quan và hệ thống, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bệnh truyền nhiễm, tiêm chủng...	Có hệ thống quản trị dữ liệu chuyên ngành, được vận hành thường xuyên	1		
		Có hệ thống quản trị dữ liệu chuyên ngành, không vận hành thường xuyên	0,5		
		Không thực hiện	0		
8	Công tác vệ sinh môi trường cơ quan		2		
	Quản lý chất thải y tế của đơn vị: Việc triển khai các văn bản pháp lý về việc thu gom, xử lý chất thải y tế của đơn vị hoặc	Có kế hoạch quản lý chất thải y tế của đơn vị và thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành	2		

TT (1)	Nội dung kiểm tra (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
	các hợp đồng về thu gom, xử lý chất thải y tế “đối với các đơn vị không có hệ thống xử lý chất thải y tế” theo quy định hiện hành	Có thực hiện nhưng không đầy đủ các quy định hiện hành	1		
		Không thực hiện	0		
9	Công tác phòng cháy chữa cháy		2		
	Kế hoạch phòng cháy chữa cháy của đơn vị: Nội quy, quy định về phòng cháy chữa cháy của đơn vị; hồ sơ quản lý theo dõi hoạt động phòng cháy chữa cháy theo quy định của cơ quan Công an	Thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành	2		
		Có thực hiện nhưng không đầy đủ các quy định hiện hành	1		
		Không thực hiện	0		
10	Nghiên cứu khoa học và ứng dụng tiến bộ khoa học		2		
	Nghiên cứu khoa học, sáng kiến, cải tiến, áp dụng công nghệ mới: Quyết định phê duyệt đề cương đề tài NCKH hoặc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật; kết quả nghiệm thu NCKH hoặc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật	Có đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trở lên đã được nghiệm thu	2		
		Không có đề tài NCKH được nghiệm thu nhưng có báo cáo chuyên đề hoặc ứng dụng tiến bộ khoa học mới vào các hoạt động chuyên môn của đơn vị	1		
		Không có	0		
	Tổng cộng		30		

B. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN: 70 ĐIỂM

I. Phòng chống bệnh truyền nhiễm: 8 điểm

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
1	Kế hoạch năm về hoạt động kiểm soát bệnh truyền nhiễm được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Có kế hoạch và chỉ tiêu cụ thể	0,5		
		Kế hoạch không có chỉ tiêu cụ thể	0,25		
		Không thực hiện	0		
2	Quản lý, điều phối các hoạt động kiểm soát bệnh truyền nhiễm trên địa bàn		0,5		
2.1	Tham mưu, hướng dẫn các cơ sở Y tế và các đơn vị liên quan trên địa bàn trong việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh	Có văn bản, công văn; các hướng dẫn và hỗ trợ kỹ thuật	0,25		
		Không thực hiện	0		
2.2	Tổ chức kiểm tra, giám sát các cơ sở Y tế và các cơ quan liên quan trên địa bàn trong việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh	Có phản hồi thông tin với các tuyến; kế hoạch giám sát; báo cáo giám sát hỗ trợ	0,25		
		Không thực hiện	0		
3	Thực hiện giám sát phát hiện ca bệnh truyền nhiễm, bệnh chưa rõ nguyên nhân, véc tơ truyền bệnh, các yếu tố nguy cơ phát sinh và lây lan dịch bệnh		0,5		
3.1	Thực hiện trực dịch, chủ động giám sát ca bệnh tại các cơ sở điều trị theo quy định hiện hành	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		
3.2	Thực hiện tổng hợp, phân tích số liệu giám sát, quản lý cơ sở dữ liệu bệnh truyền nhiễm theo quy định tại Thông tư số 54/2015/TT-BYT ngày 28/12/2015 về Hướng dẫn chế độ thông tin báo cáo và khai báo bệnh, dịch truyền nhiễm	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,1		
		Thực hiện không đầy đủ	0,05		
		Không thực hiện	0		
3.3	Dự báo tình hình dịch bệnh và cung cấp, phản hồi thông tin	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra	0,2		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
	bệnh truyền nhiễm: Biểu đồ theo dõi và dự báo các dịch bệnh; công văn/email phản hồi kết quả xét nghiệm, tình hình dịch bệnh tại địa phương	văn bản lưu)			
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		
4	Quản lý, phát hiện và xử lý các ổ dịch lưu hành, ổ dịch mới theo đúng chuyên môn, quy định của Bộ Y tế		0,5		
4.1	Các ổ dịch lưu hành/ổ dịch mới được giám sát, theo dõi, quản lý và xử lý theo đúng quy định: Báo cáo cập nhật tình hình giám sát và xử lý ca bệnh/ổ dịch mới; danh sách ca bệnh, phiếu điều tra; báo cáo kết thúc ổ dịch trên phần mềm quản lý theo dõi BTN theo TT 54/2015/TT-BYT	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		
4.2	Có đội đáp ứng nhanh phòng chống dịch và đầy đủ vật tư, hóa chất, trang thiết bị để chống dịch: Quyết định thành lập đội cơ động phòng chống dịch; danh sách thành viên đội cơ động; lịch trực đội cơ động theo tình hình dịch, thời gian; danh mục vật tư, hóa chất, trang thiết bị của đội cơ động	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,1		
		Thực hiện không đầy đủ	0,05		
		Không thực hiện	0		
4.3	Thực hiện khử trùng, diệt véc tơ, động vật truyền bệnh theo yêu cầu: Báo cáo xử lý ổ dịch, khử trùng, diệt véc tơ, động vật truyền bệnh	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		
5	Phối hợp với các ngành/đơn vị liên quan để chủ động phòng, chống dịch, bệnh truyền nhiễm		0,5		
5.1	Phối hợp liên ngành Y tế - Thú y trong phòng chống dịch bệnh: Kế hoạch phòng chống dịch bệnh trên người của Ban chỉ đạo tỉnh, của Sở Y tế; kế hoạch phối hợp liên ngành giữa Y tế - Thú y; quyết định phân công cán bộ đầu mối thực hiện trao đổi thông tin với ngành thú y; báo cáo	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,25		
		Thực hiện không đầy đủ	0,15		
		Không thực hiện	0		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
	trường hợp bệnh/ô dịch bệnh lây truyền từ động vật sang người (nếu có) theo biểu mẫu Thông tư liên tịch số 16; báo cáo bệnh lây truyền từ động vật sang người theo tháng/quý/năm theo biểu mẫu Thông tư liên tịch số 16 (nếu có)				
5.2	Tham mưu cho Sở Y tế ban hành kế hoạch phối hợp liên ngành trong công tác phòng chống dịch bệnh (chương trình cộng đồng chung tay phòng chống dịch bệnh); Kế hoạch phối hợp liên ngành; báo cáo kết quả triển khai hoạt động	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,25		
Thực hiện không đầy đủ		0,15			
Không thực hiện		0			
6	Cung cấp thông tin truyền thông về phòng, chống bệnh truyền nhiễm: Tin, bài đã đăng tải tuyên truyền các hoạt động phòng, chống các bệnh truyền nhiễm.	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,25		
Thực hiện không đầy đủ		0,15			
Không thực hiện		0			
7	Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật về kiểm soát bệnh truyền nhiễm cho tuyến dưới và các đơn vị liên quan theo yêu cầu trên địa bàn: Kế hoạch tập huấn; tài liệu tập huấn; báo cáo kết quả thực hiện	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,5		
Thực hiện không đầy đủ		0,25			
Không thực hiện		0			
8	Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, kế hoạch đề ra hằng năm theo kế hoạch đã được phê duyệt: Báo cáo tổng kết cuối năm đánh giá mục tiêu, chỉ tiêu đạt được so với kế hoạch	Hoàn thành $\geq 80\%$ chỉ tiêu kế hoạch	0,5		
Hoàn thành từ 50% đến dưới 80% chỉ tiêu kế hoạch		0,25			
Hoàn thành dưới 50% chỉ tiêu kế hoạch		0			
9	Thực hiện thống kê, báo cáo tình hình bệnh dịch truyền nhiễm trên địa bàn theo quy định về Hướng	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,5		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
	dẫn chế độ thông tin báo cáo và khai báo bệnh dịch truyền nhiễm: Báo cáo tình hình bệnh, dịch truyền nhiễm theo quy định tại Thông tư số 54/2015/TT-BYT ngày 28/12/2015 về Hướng dẫn chế độ thông tin báo cáo và khai báo bệnh, dịch truyền nhiễm	Thực hiện không đầy đủ	0,25		
		Không thực hiện	0		
10	Thực hiện giám sát và đánh giá nguy cơ dịch bệnh sốt rét, lập biểu đồ, bản đồ về tình hình sốt rét của địa phương: Kết quả giám sát đánh giá nguy cơ dịch bệnh sốt rét của địa phương; phân vùng sốt rét, biểu đồ theo dõi diễn biến tỷ lệ tử vong, mắc sốt rét theo hàng tháng hay giai đoạn so với cùng kỳ năm trước.	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,5		
		Thực hiện không đầy đủ	0,25		
		Không thực hiện	0		
11	Kế hoạch năm về hoạt động về tiêm chủng vắc xin phòng bệnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Kế hoạch TCMR năm của đơn vị được phê duyệt; các kế hoạch tiêm chủng theo chiến dịch	Có kế hoạch và chỉ tiêu cụ thể	0,5		
		Kế hoạch không có chỉ tiêu cụ thể	0,25		
		Không thực hiện	0		
12	Thực hiện tiêm chủng đầy đủ trên địa bàn theo quy định		0,5		
12.1	Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ quy mô huyện trong toàn tỉnh >95% trong năm: Báo cáo kết quả tiêm chủng trong năm	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		
12.2	Tỷ lệ tiêm vắc xin viêm gan B 24h sau sinh quy mô huyện trong toàn tỉnh >70% trong năm: Báo cáo kết quả tiêm chủng viêm gan B 24h sau sinh trong năm	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,1		
		Thực hiện không đầy đủ	0,05		
		Không thực hiện	0		
12.3	Không có thôn, bản, ấp trắng về tiêm chủng: Báo cáo kết quả tiêm chủng theo Thông tư 34/2018/TT-BYT ngày 12/11/2018	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
13	Kiểm tra, giám sát các cơ sở và chỉ tiêu tiêm chủng hằng năm theo phân cấp		0,5		
13.1	Các cơ sở tiêm chủng được kiểm tra, giám sát hằng năm theo phân cấp: Kế hoạch giám sát được phê duyệt; báo cáo kết quả giám sát	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		
13.2	Đạt chỉ tiêu giám sát liệt mềm cấp >1/100.000 trẻ dưới 15 tuổi quy mô tỉnh trong năm: Báo cáo kết quả giám sát liệt mềm cấp năm	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,1		
		Thực hiện không đầy đủ	0,05		
		Không thực hiện	0		
13.3	Đạt chỉ tiêu giám sát sốt phát ban nghi sởi/bệnh sởi theo quy định trên địa bàn tỉnh trong năm: Báo cáo kết quả giám sát sốt phát ban nghi sởi/sởi trong năm	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,1		
		Thực hiện không đầy đủ	0,05		
		Không thực hiện	0		
13.4	Đạt chỉ tiêu giám sát chết sơ sinh/uốn ván sơ sinh theo quy định trên địa bàn tỉnh trong năm: Báo cáo kết quả giám sát chết sơ sinh/uốn ván sơ sinh trong năm	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,1		
		Thực hiện không đầy đủ	0,05		
		Không thực hiện	0		
14	Hướng dẫn các cơ sở tiêm chủng, đảm bảo an toàn tiêm chủng, xử lý phản ứng sau tiêm chủng và đánh giá phản ứng sau tiêm theo quy định		0,5		
14.1	Hướng dẫn các cơ sở thực hiện công tác tiêm chủng trên địa bàn: Văn bản, hướng dẫn và hỗ trợ thực hiện	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,1		
		Thực hiện không đầy đủ	0,05		
		Không thực hiện	0		
14.2	Quản lý đầy đủ các địa điểm tiêm chủng vắc xin phòng bệnh trên địa bàn. Quản lý dữ liệu tiêm chủng đến quy mô xã/phường đầy đủ trong năm: Danh sách các điểm tiêm chủng vắc xin phòng bệnh trên địa bàn; dữ liệu tiêm chủng trên hệ thống phần mềm	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
14.3	Đảm bảo an toàn tiêm chủng, giám sát và xử lý các phản ứng sau tiêm chủng đầy đủ theo quy định: Có sổ theo dõi và báo cáo phản ứng sau tiêm chủng ghi chép đầy đủ và đúng quy định; trường hợp tai biến sau tiêm chủng nặng phải lưu trữ hồ sơ: phiếu điều tra và biên bản hội đồng	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		
15	Cung cấp thông tin truyền thông về tiêm chủng vắc xin phòng bệnh cho Khoa Truyền thông - Giáo dục sức khỏe: Tin, bài cung cấp cho Khoa Khoa Truyền thông - Giáo dục sức khỏe	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,25		
		Thực hiện không đầy đủ	0,15		
		Không thực hiện	0		
16	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn cho các cán bộ làm công tác tiêm chủng trên địa bàn, các cơ sở tiêm chủng đủ điều kiện tiêm chủng theo quy định		0,5		
16.1	Tập huấn về chuyên môn tiêm chủng hằng năm, 100% cơ sở tiêm chủng công bố đủ điều kiện tiêm chủng được hậu kiểm đủ điều kiện tiêm chủng theo quy định: Kế hoạch tập huấn, đào tạo; tài liệu, chương trình tập huấn; báo cáo tập huấn; báo cáo hậu kiểm	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,25		
		Thực hiện không đầy đủ	0,15		
		Không thực hiện	0		
16.2	Cấp và gia hạn giấy chứng nhận tiêm chủng cho các đối tượng và cơ sở tiêm chủng được tập huấn: Quyết định, hồ sơ lưu, danh sách các đối tượng được cấp giấy chứng nhận	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,25		
		Thực hiện không đầy đủ	0,15		
		Không thực hiện	0		
17	Báo cáo tiêm chủng theo Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia: Báo cáo tiêm chủng theo Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia (Quyết định số: 3421/QĐ-BYT, ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ Y tế) và báo cáo kết quả tiêm	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,5		
		Thực hiện không đầy đủ	0,25		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
	chúng theo Thông tư 34/2018/TT-BYT ngày 12/11/2018	Không thực hiện	0		
	Tổng cộng		8		

II. Phòng chống HIV/AIDS: 8 điểm

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
1	Kế hoạch, tài chính, nhân lực phòng, chống HIV/AIDS	<i>Chi tiết bảng kiểm tra tại Phụ lục 2</i>	1,5		
2	Dự phòng lây nhiễm HIV		1,5		
3	Chăm sóc, điều trị người nhiễm HIV/AIDS		1,5		
4	Giám sát, theo dõi, đánh giá và xét nghiệm HIV		1,5		
5	Thực hiện các chỉ tiêu được giao		2		
	Tổng cộng		8		

III. Kiểm soát bệnh không lây nhiễm: 6 điểm

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
1	Công tác kế hoạch		1		
	Kế hoạch năm về hoạt động phòng, chống BKN được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch được xây dựng phù hợp với Chiến lược quốc gia, phù hợp với hướng dẫn của cơ quan cấp trên và tình hình thực tiễn của địa phương	Có kế hoạch và chỉ tiêu cụ thể theo quy định	1		
		Kế hoạch không có chỉ tiêu cụ thể	0,5		
		Không thực hiện	0		
2	Triển khai, hướng dẫn, tổ chức thực hiện		0,4		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
2.1	Hướng dẫn tuyển dưới triển khai các văn bản mới ban hành trong năm của các cơ quan cấp trên liên quan tới BKLN: Văn bản, hướng dẫn triển khai; báo cáo kết quả tổ chức hội nghị triển khai	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		
2.2	Văn bản, hướng dẫn tuyển dưới triển khai các hoạt động về BKLN: Văn bản, hướng dẫn triển khai, hướng dẫn xây dựng kế hoạch; báo cáo kết quả tổ chức hội nghị triển khai	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		
3	Công tác kiểm tra, giám sát tuyển dưới		1,3		
3.1	Triển khai văn bản, hướng dẫn của cơ quan tuyển trên: Báo cáo/biên bản kiểm tra giám sát	Có báo cáo/biên bản kiểm tra	0,2		
		Không thực hiện kiểm tra, giám sát	0		
3.2	Kiểm tra, giám sát công tác xây dựng và triển khai kế hoạch của đơn vị liên quan tới: Báo cáo/biên bản kiểm tra giám sát	Có báo cáo/biên bản kiểm tra	0,3		
		Không thực hiện kiểm tra, giám sát	0		
3.3	Kiểm tra, giám sát công tác phát hiện sớm các BKLN: Báo cáo/biên bản kiểm tra giám sát	Có báo cáo/biên bản kiểm tra	0,2		
		Không thực hiện kiểm tra, giám sát	0		
3.4	Kiểm tra, giám sát công tác quản lý, điều trị các BKLN: Báo cáo/biên bản kiểm tra giám sát	Có báo cáo/biên bản kiểm tra	0,2		
		Không thực hiện kiểm tra, giám sát	0		
3.5	Kiểm tra, giám sát công tác đào tạo, tập huấn các BKLN: Báo cáo/biên bản kiểm tra giám sát	Có báo cáo/biên bản kiểm tra	0,2		
		Không thực hiện kiểm tra, giám sát	0		
3.6	Kiểm tra, giám sát công tác thông tin, báo cáo các BKLN: Báo cáo/biên bản kiểm tra giám sát	Có báo cáo/biên bản kiểm tra	0,2		
		Không thực hiện kiểm tra, giám sát	0		
4	Công tác đào tạo, tập huấn		0,8		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
4.1	Cử cán bộ của đơn vị đi đào tạo hoặc tham dự tập huấn các nội dung về phòng, chống BKLN: Cử cán bộ tham dự các khóa đào tạo/tập huấn (kiểm tra công văn/quyết định cử người (nếu đang học) hoặc Chứng chỉ/chứng nhận đã hoàn thành đào tạo/tập huấn).	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,3		
		Thực hiện không đầy đủ	0,15		
		Không thực hiện	0		
4.2	Chủ trì hoặc phối hợp tập huấn các nội dung về phòng, chống BKLN cho cán bộ y tế tuyến y tế cơ sở (huyện, xã, thôn bản): Giấy mời/công văn; tài liệu tập huấn; báo cáo kết quả tập huấn.	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,5		
		Thực hiện không đầy đủ	0,25		
		Không thực hiện	0		
5	Công tác truyền thông giáo dục sức khỏe		0,5		
5.1	Cung cấp tin, bài truyền thông nâng cao kiến thức, thay đổi hành vi, phổ biến đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phòng chống BKLN	Có nội dung tin, bài truyền thông	0,3		
		Không thực hiện/không có	0		
5.2	Cung cấp tin, bài truyền thông về BKLN cho các đơn vị liên quan để truyền thông nhân dịp các ngày sức khỏe hằng năm như: Ngày Ung thư thế giới (04/02), Ngày Sức khỏe thế giới (07/4), Ngày Hen toàn cầu (ngày thứ Ba đầu tiên trong tháng 5), Ngày Phòng chống tăng huyết áp thế giới (17/5), Ngày Thế giới không hút thuốc lá (31/5), Ngày Bệnh phổi tắc nghẽn toàn cầu (thứ Tư của tuần thứ 3 trong tháng 11), Ngày Tim mạch thế giới (30/9), Ngày Sức khỏe tâm thần thế giới (10/10), Ngày Đột quy thế giới (29/10) và Ngày Phòng chống Đái tháo đường thế giới (14/11)	Có nội dung tin, bài truyền thông	0,2		
		Không thực hiện/không có	0		
6	Công tác thu thập, quản lý số liệu, thống kê báo cáo		1		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
6.1	Thu thập, tổng hợp, quản lý thông tin số liệu về tình hình mắc, tử vong do các bệnh không lây nhiễm phổ biến tại địa phương: Sổ sách ghi chép, báo cáo số liệu cập nhật định kỳ (dựa vào số liệu thống kê theo các mẫu tại Thông tư 37/2019/TT-BYT)	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,4		
		Thực hiện không đầy đủ	0,2		
		Không thực hiện	0		
6.2	Thu thập, tổng hợp, báo cáo thông tin số liệu về kết quả các hoạt động dự phòng, phát hiện sớm và quản lý điều trị các BKLN phổ biến tại địa phương: Sổ sách ghi chép, báo cáo kết quả hoạt động	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,3		
		Thực hiện không đầy đủ	0,15		
		Không thực hiện	0		
6.3	Văn bản, hướng dẫn, kiểm tra tuyên dưới triển khai việc ghi chép, thống kê, báo cáo về kết quả hoạt động phòng, chống BKLN và số liệu mắc/tử vong do BKLN.	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,3		
		Thực hiện không đầy đủ	0,15		
		Không thực hiện	0		
7	Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hàng năm về phòng, chống BKLN của địa phương: Báo cáo thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu so với kế hoạch	Thực hiện $\geq 80\%$ chỉ tiêu kế hoạch	1,0		
		Thực hiện từ 50% đến dưới 80% chỉ tiêu kế hoạch	0,5		
		Thực hiện dưới 50% chỉ tiêu kế hoạch	0,25		
	Tổng cộng		6		

IV. Dinh dưỡng: 6 điểm

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
-------------------	--	----------------------------------	---------------------------	---------------------------------	----------------------------------

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
1	Kế hoạch năm về hoạt động dinh dưỡng được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Có kế hoạch và chỉ tiêu cụ thể	0,5		
		Kế hoạch không có chỉ tiêu cụ thể	0,25		
		Không thực hiện	0		
2	Triển khai thực hiện các hoạt động về dinh dưỡng trên địa bàn tỉnh	Có văn bản, kế hoạch triển khai thực hiện, báo cáo	0,5		
		Không thực hiện	0		
3	Phối hợp liên ngành/đơn vị liên quan để chủ động triển khai các hoạt động về dinh dưỡng: Văn bản, kế hoạch phối hợp hoạt động liên ngành; có báo cáo hoạt động (theo nhiệm vụ được Sở Y tế giao)		1		
3.1	- Chiến dịch Phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng (ngày vi chất dinh dưỡng, tổ chức uống vitamin A, sử dụng muối iốt...) và Tuần lễ dinh dưỡng phát triển hàng năm	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,5		
		Thực hiện không đầy đủ	0,25		
		Không thực hiện	0		
3.2	- Triển khai các hoạt động dinh dưỡng cộng đồng, an ninh thực phẩm, các mô hình về dinh dưỡng	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,5		
		Thực hiện không đầy đủ	0,25		
		Không thực hiện	0		
4	Triển khai hệ thống giám sát dinh dưỡng, điều tra tình trạng dinh dưỡng, khẩu phần và các vấn đề dinh dưỡng đặc biệt khác cho các đối tượng trên địa bàn: Giám sát tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em; giám sát tình trạng thừa cân béo phì ở học sinh và các đối tượng khác (nếu được Sở Y tế giao); giám sát về tiêu thụ thực phẩm (bao gồm cả tiêu thụ muối, rau quả, rượu bia...) và các mối nguy về an toàn thực phẩm (điều tra 30 cụm)	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	1		
		Thực hiện không đầy đủ	0,5		
		Không thực hiện	0		
5	Thực hiện đánh giá và theo dõi, xử trí về tình trạng dinh dưỡng khẩn cấp của trẻ em và bà mẹ có	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,5		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
	thai và các đối tượng nguy cơ cao tại những nơi bị thiên tai, thảm họa và dịch bệnh (nếu có): Công văn chỉ đạo; biên bản giám sát; kế hoạch, nội dung triển khai; báo cáo kết quả theo dõi, xử trí	Thực hiện không đầy đủ	0,25		
		Không thực hiện	0		
6		Tổ chức đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ dinh dưỡng ở tuyến cơ sở: Kế hoạch hoạt động, công văn/giấy mời; nội dung đào tạo tập huấn; báo cáo kết quả đào tạo, tập huấn	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,5	
		Thực hiện không đầy đủ	0,25		
		Không thực hiện	0		
7	Cung cấp thông tin truyền thông, giáo dục sức khỏe về dinh dưỡng và phối hợp với Khoa Truyền thông - giáo dục sức khỏe tổ chức các hoạt động truyền thông vận động, thông tin, giáo dục, truyền thông dinh dưỡng (Có KH và văn bản chỉ đạo triển khai Tuần lễ DD&PT; tuyên truyền phổ biến 10 lời khuyên dinh dưỡng hợp lý, tháp Dinh dưỡng cho các lứa tuổi; có báo cáo hoạt động lên tuyến trên theo quy định): Kế hoạch phối hợp; nội dung truyền thông kèm theo; báo cáo hoạt động	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,5		
		Thực hiện không đầy đủ	0,25		
		Không thực hiện	0		
8	Hoàn thành được các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hàng năm về dinh dưỡng của địa phương đã đề ra: Báo cáo đánh giá việc hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra hàng năm		1		
8.1	Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ <5 tuổi (cân nặng/tuổi) đạt so với kế hoạch được giao: Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Đạt chỉ tiêu kế hoạch	0,25		
		Không đạt	0		
8.2	Tỷ lệ trẻ em được uống vitamin A theo quy định của chương trình và đạt chỉ tiêu kế hoạch được giao: Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Đạt chỉ tiêu kế hoạch	0,25		
		Không đạt	0		
8.3	Triển khai cân, đo trẻ em dưới 5 tuổi vào tháng 6 và tháng 12	Đạt chỉ tiêu kế hoạch	0,25		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
	hàng năm để đánh giá tình trạng dinh: Lập kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Không đạt	0		
8.4	Triển khai phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng: chương trình Vitamin A, ngày vi chất dinh dưỡng: Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Đạt chỉ tiêu kế hoạch	0,25		
		Không đạt	0		
9	Thực hiện thông kê báo cáo hoạt động về dinh dưỡng theo quy định: Mẫu biểu báo cáo theo quy định	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,5		
		Thực hiện không đầy đủ	0,25		
		Không thực hiện	0		
	Tổng cộng		6		

V. Sức khỏe môi trường - y tế trường học - bệnh nghề nghiệp: 8 điểm

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
1	Kế hoạch năm về hoạt động về sức khỏe môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt Kiểm tra: Kế hoạch hoạt động về sức khỏe môi trường được phê duyệt.	Có kế hoạch và chi tiêu cụ thể	0,2		
		Kế hoạch không có chi tiêu cụ thể	0,1		
		Không thực hiện	0		
2	Thực hiện ngoại kiểm định kỳ, đột xuất chất lượng nước sạch của tất cả các đơn vị cấp nước có quy mô từ 500 hộ gia đình trở lên (hoặc công suất thiết kế từ 1.000m ³ /ngày đêm trở lên trong trường hợp không xác	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,5		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
	<p>định được số hộ gia đình): Xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí hằng năm cho việc tổ chức thực hiện hoạt động kiểm tra chất lượng nước sạch; danh sách các đơn vị cấp nước tập trung trên địa bàn được quản lý; danh sách các đơn vị cấp nước được ngoại kiểm về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trong năm; báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra chất lượng nước sạch theo quy định (6 tháng và 1 năm); biên bản kiểm tra giám sát chất lượng nước trong sự cố kỹ thuật và thiên tai (các báo định kỳ theo quy định và báo cáo đột xuất nếu có).</p>	Thực hiện không đầy đủ	0,25		
		Không thực hiện	0		
3	<p>Hướng dẫn và giám sát tuyến dưới triển khai việc thực hiện ngoại kiểm định kỳ, đột xuất chất lượng nước của các đơn vị cấp nước có quy mô dưới 500 hộ gia đình (hoặc công suất thiết kế dưới 1.000m³/ngày đêm trong trường hợp không xác định được số hộ gia đình); xây dựng và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh: Văn bản, tài liệu hướng dẫn tuyến dưới triển khai việc xây dựng kế hoạch, thực hiện ngoại kiểm định kỳ, đột xuất chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và báo cáo định kỳ theo quy định; xây dựng và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh; báo cáo tình hình sử dụng nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh trên địa bàn. Trong đó nêu rõ các kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu</p>	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,5		
		Thực hiện không đầy đủ	0,25		
		Không thực hiện	0		
4	<p>Hướng dẫn việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải y tế: Văn bản</p>	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,5		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
	hướng dẫn các CSYT thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý chất thải y tế; tài liệu minh chứng kết quả thực hiện các nhiệm vụ về chỉ đạo, hướng dẫn, quản lý, kiểm tra giám sát về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở y tế	Thực hiện không đầy đủ	0,25		
		Không thực hiện	0		
5	Giám sát vệ sinh môi trường tại khu vực có nguy cơ ô nhiễm như: Khu vực lễ hội, bến tàu, bến xe, khu vực nguy cơ ngập lụt, ổ dịch liên quan vệ sinh môi trường; Danh sách các vùng/khu vực, cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; danh sách các vùng/khu vực có nguy cơ chịu ảnh hưởng nặng nề do ô nhiễm môi trường, do thiên tai; báo cáo/dữ liệu/thông tin theo dõi, giám sát tại các vùng có nguy cơ về tình hình sức khỏe và tình trạng môi trường		0,5		
5.1	Xác định và phân vùng các khu vực, cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		
5.2	Xác định và phân vùng các khu vực có nguy cơ chịu ảnh hưởng nặng nề do ô nhiễm môi trường, do thiên tai	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		
5.3	Giám sát và đánh giá các yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe người dân tại các vùng có nguy cơ ô nhiễm môi trường, các vùng chịu ảnh hưởng nặng nề do thiên tai	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,1		
		Thực hiện không đầy đủ	0,05		
		Không thực hiện	0		
6	Phối hợp với khoa KSBTN tham mưu và tổ chức thực hiện các biện pháp xử lý ô nhiễm	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
	môi trường khi có dịch bệnh hoặc tại các vùng nguy cơ, thiên tai, thảm họa: Kế hoạch và văn bản chỉ đạo thực hiện xử lý ô nhiễm môi trường, dịch bệnh tại vùng có nguy cơ hoặc vùng có thiên tai, thảm họa, dịch bệnh; báo cáo kết quả thực hiện	Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		
7	Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật về lĩnh vực sức khỏe môi trường cho tuyến dưới: Văn bản hướng dẫn tuyến dưới hoặc tài liệu hướng dẫn; công tác tập huấn: công văn/giấy mời kèm kế hoạch/chương trình tập huấn, tài liệu tập huấn	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		
8	Cung cấp thông tin truyền thông về vệ sinh, sức khỏe môi trường, phòng chống các yếu tố nguy cơ môi trường tác động lên sức khỏe cộng đồng: Nội dung tin, bài truyền thông đã đăng tải	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		
9	Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hằng năm về sức khỏe môi trường của địa phương (theo nhiệm vụ của Sở Y tế giao): Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện các hoạt động về sức khỏe môi trường của Trung tâm. Trong đó có các số liệu liên quan đánh giá mức độ đạt được mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hằng năm về sức khỏe môi trường của địa phương	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		
10	Thực hiện thống kê, báo cáo về hoạt động sức khỏe môi trường theo quy định: Hồ sơ, sổ sách, số liệu thống kê, báo cáo về công tác sức khỏe môi trường theo quy định hiện hành	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
11	Xây dựng kế hoạch hoạt động về sức khỏe trường học hằng năm: Kế hoạch hoạt động về sức khỏe trường học hằng năm được phê duyệt	Có kế hoạch và chỉ tiêu cụ thể	0,2		
		Kế hoạch không có chỉ tiêu cụ thể	0,1		
		Không thực hiện	0		
12	Tham mưu cho Sở Y tế phối hợp với ngành giáo dục để chỉ đạo tổ chức các hoạt động về y tế trường học theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT, Thông tư liên tịch số 03/2000/TTLT-BYT-BGDĐT: Công văn, kế hoạch hoạt động phối hợp liên ngành; Báo cáo kết quả hoạt động phối hợp liên ngành	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,3		
		Thực hiện không đầy đủ	0,15		
		Không thực hiện	0		
13	Phối hợp với các khoa liên quan giám sát dịch bệnh trong trường học, tình trạng dinh dưỡng và phát triển của học sinh, phát hiện sớm các nguy cơ sức khỏe, bệnh tật ở lứa tuổi học đường, quản lý tình trạng sức khỏe học sinh trên địa bàn: Văn bản chỉ đạo tuyến dưới thực hiện theo kế hoạch; tài liệu hướng dẫn chuyên môn; danh sách các đơn vị đã được hướng dẫn, hỗ trợ; báo cáo tổng hợp về kết quả công tác hỗ trợ, giám sát	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		
14	Kiểm tra, giám sát các điều kiện vệ sinh trường học trong các cơ sở giáo dục theo phân cấp, chỉ đạo hướng dẫn các trung tâm y tế huyện, trạm y tế xã thực hiện việc giám sát điều kiện vệ sinh trường học trong các cơ sở giáo dục: Các báo cáo, biên bản kiểm tra của trung tâm về điều	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,3		
		Thực hiện không đầy đủ	0,15		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
	kiện vệ sinh tại các trường quản lý; văn bản chỉ đạo tuyến dưới thực hiện kiểm tra, giám sát điều kiện vệ sinh trường học; báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát điều kiện vệ sinh trường học	Không thực hiện	0		
15	Tổ chức đào tạo tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về y tế trường học cho cán bộ làm công tác y tế trường học và đối tượng liên quan trên địa bàn: Công văn/giấy mời kèm kế hoạch, chương trình tập huấn; nội dung, tài liệu tập huấn	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,3		
Thực hiện không đầy đủ		0,15			
Không thực hiện		0			
16	Phối hợp với các cơ quan quản lý giáo dục, truyền thông trên địa bàn để chỉ đạo tổ chức triển khai các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe, tư vấn sức khỏe cho học sinh, giáo viên, cha mẹ hoặc người giám hộ về phòng chống dịch bệnh, bệnh tật lứa tuổi học đường: Công văn, kế hoạch phối hợp truyền thông; nội dung/tài liệu truyền thông; báo cáo kết quả phối hợp triển khai trong công tác tư vấn, truyền thông giáo dục sức khỏe	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
Thực hiện không đầy đủ		0,1			
Không thực hiện		0			
17	Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hằng năm về sức khỏe trường học của địa phương: Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện các hoạt động về sức khỏe trường học của địa phương. Trong đó có đánh giá mức độ đạt được mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hằng năm về sức khỏe trường học của địa phương	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,3		
Thực hiện không đầy đủ		0,15			
Không thực hiện		0			
18	Thực hiện thống kê, báo cáo về công tác y tế trường học theo quy định: Hồ sơ, sổ sách, sổ	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
	liệu, báo cáo minh chứng Trung tâm đã thực hiện chế độ thống kê, báo cáo, lưu trữ về công tác sức khỏe trường học theo quy định hiện hành	Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		
19	Kế hoạch cả năm về hoạt động sức khỏe nghề nghiệp, tai nạn thương tích được Lãnh đạo đơn vị phê duyệt: Kế hoạch hoạt động sức khỏe nghề nghiệp, tai nạn thương tích hằng năm được phê duyệt	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		
20	Quản lý về loại hình hoạt động, số người lao động, các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại gây nguy cơ sức khỏe nghề nghiệp, bệnh nghề nghiệp phổ biến, phân loại sức khỏe người lao động, tình hình tai nạn lao động của các cơ sở sử dụng lao động trên địa bàn: Văn bản hướng dẫn; danh sách các cơ sở sản xuất và cơ sở y tế chia theo địa bàn, thông tin về loại hình hoạt động, số người lao động, các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại, bệnh nghề nghiệp phổ biến, phân loại sức khỏe người lao động, số vụ tai nạn lao động, đánh giá mức độ nguy cơ về bệnh nghề nghiệp và tai nạn lao động; quản lý mạng lưới người làm công tác y tế tại cơ sở lao động trên địa bàn	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,3		
		Thực hiện không đầy đủ	0,15		
		Không thực hiện	0		
21	Kiểm tra, giám sát việc quan trắc định kỳ môi trường lao động, điều kiện lao động tại các cơ sở sử dụng lao động có nguy cơ cao về bệnh nghề nghiệp và tai nạn lao động theo quy định; đề xuất các giải pháp cải thiện điều kiện, môi trường lao động: Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát, quan trắc môi trường lao	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,3		
		Thực hiện không đầy đủ	0,15		
		Không thực hiện	0		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
	động, điều kiện lao động của các cơ sở sử dụng lao động có nguy cơ cao về bệnh nghề nghiệp và tai nạn lao động, thống kê cụ thể tổng số mẫu đo, số mẫu đạt và không đạt TC..., các khuyến nghị (có thể lồng ghép trong các báo cáo thực hiện công tác ATVSLĐ hằng năm); danh sách các cơ sở sử dụng lao động có thực hiện quan trắc môi trường lao động. Trong đó có thông tin về quy mô hoạt động, việc lập hồ sơ vệ sinh lao động, đơn vị lập hồ sơ, có/không đánh giá mức độ nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm của công việc qua các chỉ số về Vệ sinh lao động, tâm sinh lý lao động và ecgônômi				
22	Tham gia điều tra, xử lý các sự cố, vụ nhiễm độc, tai nạn lao động chết người xảy ra tại các cơ sở sử dụng lao động (khi có yêu cầu của các cơ quan liên quan): Báo cáo tình hình sự cố, nhiễm độc và tai nạn lao động xảy ra tại các cơ sở sử dụng lao động; báo cáo khám, điều trị bệnh nghề nghiệp (có thể lồng ghép trong báo cáo về công tác ATVSLĐ hằng năm; báo cáo kết quả hoạt động hưởng ứng tháng ATVSLĐ và PCCN)	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,3		
		Thực hiện không đầy đủ	0,15		
		Không thực hiện	0		
23	Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức khám sức khỏe cho người lao động, phát hiện nguy cơ sức khỏe, bệnh tật (bệnh nghề nghiệp, bệnh KLN...). Triển khai các hoạt động phòng bệnh cho người lao động. Hướng dẫn, hỗ trợ y tế các cơ quan, tổ chức trong việc theo dõi, giám sát, quản lý sức khỏe người lao động. Tham gia	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,3		
		Thực hiện không đầy đủ	0,15		
		Không thực hiện	0		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
	<p>khám giám định bệnh nghề nghiệp cho người lao động: Công văn/văn bản, phối hợp; tài liệu hướng dẫn, hỗ trợ y tế các cơ quan, tổ chức trong triển khai các hoạt động phòng bệnh cho người lao động, theo dõi, giám sát, quản lý sức khỏe người lao động; báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện công tác CSSK NLĐ</p> <p>+ Tổng số người lao động làm việc tại các cơ sở có nguy cơ bị các bệnh nghề nghiệp phổ biến và số người nhóm này được khám phát hiện bệnh nghề nghiệp</p> <p>+ Tổng số người lao động có nghi ngờ mắc bệnh nghề nghiệp, bệnh KLN... và số lượng người đã được chẩn đoán xác định, giám định bệnh nghề nghiệp</p> <p>+ Số cơ sở sử dụng lao động có hồ sơ quản lý sức khỏe người lao động</p>				
24	<p>Phối hợp với ngành lao động thương binh xã hội quản lý, theo dõi việc thực hiện các chế độ chính sách, chăm sóc sức khỏe, điều trị và phục hồi chức năng lao động cho người lao động đã được xác nhận bị bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động trên địa bàn theo quy định: Báo cáo/Thông tin về tình hình thực hiện chế độ cho người lao động bị BNN, tai nạn lao động; danh sách người lao động đã xác nhận bị bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động trên địa bàn được cập nhật hằng năm theo quy định</p>	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,3		
		Thực hiện không đầy đủ	0,15		
		Không thực hiện	0		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
25	Phối hợp tổ chức các hoạt động thông tin, truyền thông, giáo dục sức khỏe về an toàn vệ sinh lao động, phòng chống bệnh tật, bệnh nghề nghiệp và phòng chống tai nạn thương tích trên địa bàn: Văn bản thực hiện các hoạt động truyền thông về y tế lao động; phòng chống bệnh nghề nghiệp; phòng chống tai nạn thương tích và xây dựng cộng đồng an toàn; nội dung/tài liệu truyền thông; báo cáo kết quả hoạt động thông tin, truyền thông	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,3		
Thực hiện không đầy đủ		0,15			
Không thực hiện		0			
26	Tổ chức đào tạo tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho các đối tượng công tác trong lĩnh vực sức khỏe nghề nghiệp, phòng chống tai nạn thương tích cho các đối tượng liên quan trên địa bàn Kiểm tra: Công văn/giấy mời; chương trình tập huấn; danh sách học viên, giảng viên; tài liệu tập huấn; báo cáo kết quả tập huấn	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,3		
Thực hiện không đầy đủ		0,15			
Không thực hiện		0			
27	Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hằng năm về sức khỏe nghề nghiệp, phòng chống tai nạn thương tích của địa phương: Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện các hoạt động về sức khỏe nghề nghiệp của Trung tâm. Trong đó có đánh giá mức độ đạt được mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hằng năm về sức khỏe nghề nghiệp, phòng chống tai nạn thương tích của địa phương	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,3		
Thực hiện không đầy đủ		0,15			
Không thực hiện		0			
28	Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo về sức khỏe nghề nghiệp, tai nạn thương tích theo quy	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
	định: Hồ sơ, sổ sách, số liệu, báo cáo minh chứng Trung tâm đã thực hiện chế độ thống kê, báo cáo, lưu trữ về công tác sức khỏe nghề nghiệp, tai nạn thương tích theo quy định hiện hành.	Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		
	Tổng cộng		8		

VI. Sức khỏe sinh sản: 8 điểm

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
1	Công tác lập kế hoạch và thống kê, báo cáo	Chi tiết bảng kiểm tra tại Phụ lục 3	0,7		
2	Công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ		2,4		
3	Công tác chăm sóc sức khỏe trẻ em		1,45		
4	Công tác phòng chống nhiễm khuẩn và ung thư đường sinh sản		0,65		
5	Cung cấp dịch vụ KHHGD và Phá thai an toàn		0,65		
6	Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên, nam giới		0,65		
7	Giám sát – hỗ trợ kỹ thuật		1,5		
	Tổng cộng		8		

VII. Truyền thông, giáo dục sức khỏe: 6 điểm

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
1	Kế hoạch cả năm về truyền thông giáo dục sức khỏe được	Có kế hoạch và chỉ tiêu cụ thể	0,5		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
	cấp có thẩm quyền (lãnh đạo đơn vị) phê duyệt	Kế hoạch không có chỉ tiêu cụ thể	0,25		
		Không thực hiện	0		
2	Đầu mỗi tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe (truyền thông thay đổi hành vi; truyền thông nguy cơ khi có các vấn đề khẩn cấp về y tế công cộng, khủng hoảng thông tin; truyền thông vận động; giáo dục sức khỏe...): Kế hoạch triển khai hoạt động truyền thông; nội dung, tài liệu truyền thông; báo cáo kết quả triển khai các hoạt động	12 lần/năm	1		
		8 lần/năm	0,75		
		6 lần/năm	0,5		
		4 lần/năm	0,25		
3	Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động truyền thông tuyên dười: Kế hoạch kiểm tra, giám sát; biên bản kiểm tra giám sát; báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát.	Thực hiện giám sát 4 lần/năm	1		
		Thực hiện giám sát 3 lần/năm	0,75		
		Thực hiện giám sát 2 lần/năm	0,5		
		Thực hiện giám sát 1 lần/năm	0,25		
4	Cung cấp thông tin, xây dựng các thông điệp truyền thông và phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng, các tổ chức chính trị, xã hội tuyên truyền nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi và nâng cao sức khỏe nhân dân: Kế hoạch phối hợp về thông tin truyền thông với cơ quan truyền thông đại chúng hoặc các hợp đồng thực hiện; tư liệu, tài liệu cung cấp thông tin cung cấp cho các cơ quan truyền thông; báo cáo kết quả (Mở chuyên mục y tế trên sóng phát thanh - Truyền hình)	12 lần/năm	1		
		8 lần/năm	0,75		
		6 lần/năm	0,5		
		4 lần/năm	0,25		
5	Xây dựng các tài liệu, sản phẩm truyền thông để cung cấp cho các cơ quan, đơn vị, các tuyến, người dân, cộng đồng: Các tài liệu, sản phẩm truyền thông... được xây dựng cung cấp; website được xây, dựng vận hành (có giấy phép hoạt động,		1		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
	quyết định ban biên tập...); Phát triển mới TLTT theo nhu cầu của địa phương: Pano, áp phích, tờ rơi				
5.1	Website	Có và đang sử dụng website	0,25		
		Không có/không sử dụng	0		
5.2	Xây dựng tài liệu và nội dung truyền thông	12 loại tài liệu/năm hoặc 12 nội dung	0,75		
		6 loại tài liệu/năm hoặc 6 nội dung	0,5		
		4 loại tài liệu/năm hoặc 4 nội dung	0,25		
		2 loại tài liệu/năm hoặc 2 nội dung	0,15		
6	Kế hoạch phối hợp với các Khoa liên quan tổ chức triển khai các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe, tổ chức các sự kiện liên quan đến chăm sóc sức khỏe: Kế hoạch triển khai, báo cáo kết quả	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,5		
		Thực hiện không đầy đủ	0,25		
		Không thực hiện	0		
7	Tập huấn, Hội thảo nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ về lĩnh vực truyền thông giáo dục sức khỏe cho tuyến y tế cơ sở: Công văn/giấy mời; chương trình tập huấn; tài liệu tập huấn; báo cáo kết quả đào tạo tập huấn		0,5		
7.1	Mở đào tạo cho y tế tuyến huyện, xã	Có thực hiện	0,25		
		Không thực hiện	0		
7.2	Mở đào tạo cho y tế thôn bản (ấp/khu phố)	Có thực hiện	0,25		
		Không thực hiện	0		
8	Thực hiện báo cáo các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe, nâng cao sức khỏe nhân dân theo quy định: Báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,5		
		Thực hiện không đầy đủ	0,25		
		Không thực hiện	0		
	Tổng cộng		6		

VIII. Ký sinh trùng - Côn trùng: 4 điểm

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
1	Kế hoạch năm về hoạt động phòng chống các bệnh ký sinh trùng, côn trùng được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Có kế hoạch và chỉ tiêu cụ thể	0,5		
		Kế hoạch không có chỉ tiêu cụ thể	0,25		
		Không thực hiện	0		
2	Triển khai thực hiện các hoạt động phòng chống các bệnh ký sinh trùng, côn trùng: Các văn bản về phòng chống các bệnh ký sinh trùng, côn trùng	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,5		
		Thực hiện không đầy đủ	0,25		
		Không thực hiện	0		
3	Quản lý, điều tra, giám sát ổ dịch các bệnh ký sinh trùng, côn trùng: Báo cáo kết quả quản lý, điều tra, giám sát các ổ dịch các bệnh ký sinh trùng, côn trùng	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,5		
		Thực hiện không đầy đủ	0,25		
		Không thực hiện	0		
4	Triển khai các biện pháp phòng chống véc tơ, các bệnh ký sinh trùng, côn trùng tại các vùng nguy cơ cao theo quy định: Báo cáo kết quả điều trị các bệnh ký sinh trùng khác (giun sán), bệnh do côn trùng truyền; kết quả triển khai các biện pháp phòng chống ký sinh trùng, côn trùng (tắm màn, phun hóa chất, uống thuốc tẩy giun...)	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,5		
		Thực hiện không đầy đủ	0,25		
		Không thực hiện	0		
5	Thực hiện giám sát côn trùng, vật chủ trung gian truyền bệnh, yếu tố nguy cơ phát sinh dịch bệnh: Có quyết định phân công cán bộ/nhóm thực hiện nhiệm vụ về côn trùng và động vật y học; các báo cáo giám sát, phòng chống véc tơ vật chủ trung gian truyền bệnh	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,25		
		Thực hiện không đầy đủ	0,15		
		Không thực hiện	0		
6	Cung cấp thông tin truyền thông, giáo dục sức khỏe về công tác phòng chống các bệnh ký sinh trùng, côn trùng trên địa bàn: Nội dung tin, bài cung cấp cho Khoa Truyền thông giáo dục sức khỏe	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,25		
		Thực hiện không đầy đủ	0,15		
		Không thực hiện	0		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
7	Tổ chức đào tạo tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác phòng chống các bệnh ký sinh trùng, côn trùng trên địa bàn: Công văn/giấy mời; chương trình tập huấn; tài liệu tập huấn; báo cáo kết quả tập huấn	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,25		
		Thực hiện không đầy đủ	0,15		
		Không thực hiện	0		
8	Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra hàng năm về phòng chống các bệnh ký sinh trùng, côn trùng của địa phương: Báo cáo kết quả và phân tích các mục tiêu, chỉ tiêu đạt và không đạt so với kế hoạch đề ra hàng năm, nêu rõ lý do và đề xuất khắc phục cho năm tiếp theo	Thực hiện $\geq 80\%$ chỉ tiêu kế hoạch	1		
		Thực hiện từ 50% đến dưới 80% chỉ tiêu kế hoạch	0,5		
		Thực hiện dưới 50% chỉ tiêu kế hoạch	0,25		
9	Thực hiện tổng hợp, thống kê, báo cáo về công tác phòng chống các bệnh ký sinh trùng, côn trùng trên địa bàn theo quy định: Báo cáo minh chứng tổng hợp, thống kê, báo cáo về công tác phòng chống các bệnh ký sinh trùng trên địa bàn theo quy định	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,25		
		Thực hiện không đầy đủ	0,15		
		Không thực hiện	0		
	Tổng cộng		4		

IX: Kiểm dịch y tế: 4 điểm

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
1	Kế hoạch cả năm về công tác kiểm dịch y tế biên giới được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Có kế hoạch và chỉ tiêu cụ thể	0,5		
		Kế hoạch không có chỉ tiêu cụ thể	0,25		
		Không thực hiện	0		
2	Tổ chức kiểm tra y tế, giám sát thường xuyên các bệnh truyền nhiễm và các yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe cộng đồng theo quy định của pháp luật tại khu vực các cửa khẩu: Báo cáo kết quả thực hiện của các cửa khẩu/cảng/sân bay theo từng lĩnh		1		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
	vực; sổ sách biểu mẫu theo dõi hàng ngày; báo cáo kết quả giám sát véc tơ/vật chủ trung gian truyền bệnh				
2.1	Người xuất, nhập cảnh, quá cảnh	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		
2.2	Phương tiện vận tải xuất, nhập cảnh, quá cảnh	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		
2.3	Hàng hoá xuất, nhập khẩu, quá cảnh theo quy định phải kiểm tra	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		
2.4	Giám sát môi trường, vật chủ trung gian và véc tơ truyền bệnh tại khu vực cửa khẩu	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		
2.5	Các đối tượng khác (nếu có) thi thể, hài cốt, tro cốt, mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		
3	Thực hiện xử lý và cấp giấy chứng nhận cho các đối tượng kiểm dịch y tế theo quy định; cấp giấy chứng nhận tiêm chủng (nếu được Sở Y tế giao nhiệm vụ): Báo cáo kết quả thực hiện của các cửa khẩu/cảng/sân bay theo từng lĩnh vực; danh sách các đối tượng được xử lý và cấp giấy chứng nhận		1		
3.1	Thực hiện cách ly y tế với các những người nghi ngờ mắc bệnh truyền nhiễm	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,25		
		Thực hiện không đầy đủ	0,15		
		Không thực hiện	0		
3.2	Phương tiện vận tải xuất, nhập	Thực hiện đầy đủ theo	0,25		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
	cảnh, quá cảnh	đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)			
		Thực hiện không đầy đủ	0,15		
		Không thực hiện	0		
3.3	Hàng hoá xuất nhập, khẩu, quá cảnh	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,25		
		Thực hiện không đầy đủ	0,15		
		Không thực hiện	0		
3.4	Các đối tượng khác (nếu có): thi thể, hải cốt, tro cốt, mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,25		
		Thực hiện không đầy đủ	0,15		
		Không thực hiện	0		
4	Phối hợp với các đơn vị liên quan cung cấp thông tin, giáo dục, truyền thông về lĩnh vực kiểm dịch y tế tại cửa khẩu: Tin, bài truyền thông đã cung cấp	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,5		
		Thực hiện không đầy đủ	0,25		
		Không thực hiện	0		
5	Thực hiện việc cung cấp thông tin về các đối tượng kiểm dịch y tế cho các đơn vị liên quan để quản lý và giám sát dịch bệnh: Báo cáo thông tin về đối tượng kiểm dịch, giám sát dịch bệnh	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,5		
		Thực hiện không đầy đủ	0,25		
		Không thực hiện	0		
6	Thực hiện thống kê, báo cáo về các hoạt động kiểm dịch theo quy định: Sử dụng các phần mềm quản lý đối tượng, giám sát, theo dõi, thống kê báo cáo	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,5		
		Thực hiện không đầy đủ	0,25		
		Không thực hiện	0		
	Tổng cộng		4		

X. Xét nghiệm – Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng: 8 điểm

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
-------------------	--	----------------------------------	-------------------------------	---------------------------------	----------------------------------

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
1	Thực hiện lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển bệnh phẩm đúng quy trình: Quy trình lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển bệnh phẩm; sổ quản lý mẫu bệnh phẩm	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	1		
		Thực hiện không đầy đủ	0,5		
		Không thực hiện	0		
2	Thực hiện được các kỹ thuật xét nghiệm bắt buộc (theo Phụ lục 1.1): Quy trình chuẩn thực hiện các xét nghiệm của Trung tâm ban hành và phê duyệt; cán bộ thực hiện xét nghiệm có chứng nhận được đào tạo kỹ thuật xét nghiệm; sổ quản lý mẫu và kết quả xét nghiệm của khoa xét nghiệm được cập nhật (hoặc kiểm tra trên phần mềm quản lý); hóa chất sinh phẩm tương ứng và còn hạn sử dụng; hồ sơ trang thiết bị	Thực hiện được trên 80% các kỹ thuật xét nghiệm bắt buộc (theo Phụ lục 1.1)	2		
		Thực hiện được từ 50% đến 80% các kỹ thuật xét nghiệm bắt buộc (theo Phụ lục 1.1)	1		
		Thực hiện được <50% các kỹ thuật xét nghiệm bắt buộc (theo Phụ lục 1.1)	0		
3	Thực hiện được các kỹ thuật xét nghiệm tự chọn (theo Phụ lục 1.2) Kiểm tra: Quy trình chuẩn thực hiện các xét nghiệm của Trung tâm ban hành và phê duyệt; cán bộ thực hiện xét nghiệm có chứng nhận được đào tạo kỹ thuật xét nghiệm; sổ quản lý mẫu và kết quả xét nghiệm của khoa xét nghiệm được cập nhật (hoặc kiểm tra trên phần mềm quản lý); hóa chất sinh phẩm tương ứng và còn hạn sử dụng; hồ sơ trang thiết bị	Thực hiện được trên 50% các kỹ thuật xét nghiệm tự chọn (theo Phụ lục 1.2)	1		
		Thực hiện được từ 30% đến 50% các kỹ thuật xét nghiệm tự chọn (theo Phụ lục 1.2)	0,5		
		Thực hiện được <30% các kỹ thuật xét nghiệm tự chọn (theo Phụ lục 1.2)	0		
4	Tham gia kiểm tra, giám sát về an toàn sinh học tại các cơ sở xét nghiệm trên địa bàn tỉnh (nếu có): Biên bản giám sát; báo cáo kết quả đánh giá an toàn sinh học các cơ sở xét nghiệm; báo cáo tổng kết các cơ sở xét nghiệm được giám sát ATSH	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,5		
		Thực hiện không đầy đủ	0,25		
		Không thực hiện	0		
5	Hướng dẫn, tập huấn cho các cơ sở y tế về quy trình lấy mẫu, bảo	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra	0,5		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
	quản vận chuyển bệnh phẩm và các kỹ thuật xét nghiệm: Kế hoạch tập huấn/giám sát/hướng dẫn; tài liệu tập huấn; báo cáo kết quả các lớp tập huấn và hoạt động tập huấn đào tạo	văn bản lưu)			
		Thực hiện không đầy đủ	0,25		
		Không thực hiện	0		
6	Các phòng xét nghiệm tự công bố an toàn sinh học theo quy định Hồ sơ công bố phòng xét nghiệm đạt ATSH theo quy định bao gồm: cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân sự và thực hành	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,5		
		Thực hiện không đầy đủ	0,25		
		Không thực hiện	0		
7	Phòng Xquang được thực hiện đảm bảo an toàn bức xạ theo quy định: Quy định an toàn bức xạ; quy trình xử lý sự cố được ban hành; giấy chứng nhận đảm bảo an toàn bức xạ của tổ chức có thẩm quyền; kỹ thuật viên có chứng chỉ đào tạo và đào tạo lại của cấp có thẩm quyền	Đảm bảo an toàn theo quy định	0,5		
		Không đảm bảo an toàn theo quy định	0		
8	Phòng xét nghiệm lý-hóa học được thực hiện đảm bảo an toàn lý-hóa học theo quy định: Quy định an toàn lý-hóa; Quy trình xử lý sự cố được ban hành; các phương tiện bảo hộ lao động tương ứng sẵn có và đầy đủ (kính, khẩu trang, găng tay...); các thiết bị giặt nước khăn cấp, rửa mắt, dung dịch kiềm loãng có sẵn ở các vị trí thuận tiện; có hệ thống thu gom xử lý nước thải phòng lý-hóa hoặc quy định về thu gom và xử lý tại chỗ chất thải lỏng (nếu chưa có hệ thống xử lý); số tủ hút tương ứng với các phòng XN lý-hóa	Đảm bảo an toàn theo quy định	1		
		Không đảm bảo an toàn theo quy định	0		
9	Phòng xét nghiệm được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO 17025 đối với một số xét nghiệm bắt buộc về kiểm tra chất lượng	Đạt chuẩn ISO	1		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
	nước ăn uống, sinh hoạt, thực phẩm: Quyết định công nhận của Văn phòng công nhận chất lượng kèm danh mục các phép thử được công nhận	Không đạt chuẩn ISO	0		
	Tổng cộng		8		

XI. Phòng khám đa khoa, chuyên khoa: 4 điểm

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
1	Kế hoạch hoạt động năm của phòng khám đa khoa, chuyên khoa được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Bản kế hoạch hoạt động năm được duyệt	Có kế hoạch và chỉ tiêu cụ thể	0,5		
		Kế hoạch không có chỉ tiêu cụ thể	0,25		
		Không thực hiện	0		
2	Tổ chức cung cấp dịch vụ: Các quy trình kỹ thuật; nội quy, quy chế thực hiện dịch vụ cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của từng lĩnh vực và các quy định của nhà nước có liên quan; các sổ sách, hồ sơ quản lý, theo dõi và báo cáo kết quả cung cấp dịch vụ; các kết quả thanh kiểm tra; lưu trữ hồ sơ, sổ sách theo quy định		3,5		
2.1	Sử dụng vắc xin, sinh phẩm phòng bệnh theo yêu cầu.	Có thực hiện	0,5		
		Không thực hiện	0		
2.2	Khám phát hiện sớm, tư vấn, điều trị dự phòng các bệnh không lây nhiễm	Có thực hiện	0,5		
		Không thực hiện	0		
2.3	Khám phát hiện sớm, tư vấn, điều trị dự phòng bệnh liên quan đến nghề nghiệp	Có thực hiện	0,5		
		Không thực hiện	0		
2.4	Khám phát hiện sớm, tư vấn, điều trị dự phòng bệnh học đường và bệnh liên quan đến lứa tuổi	Có thực hiện	0,5		
		Không thực hiện	0		
2.5	Khám phát hiện sớm, tư vấn, điều trị dự phòng các bệnh liên quan đến dinh dưỡng	Có thực hiện	0,5		
		Không thực hiện	0		
2.6	Khám phát hiện sớm, tư vấn, điều trị dự phòng các bệnh xã hội	Có thực hiện	0,5		
		Không thực hiện	0		
2.7	Khám, sàng lọc và điều trị sản - phụ khoa và nhi khoa, bao gồm: - Khám và xử trí các bệnh thông thường ở trẻ em - Khám, tư vấn về SKSS nam giới - Khám thai đủ các bước theo Hướng dẫn quốc gia về CSSKSS - Khám lâm sàng phát hiện các bất thường ở vú	Có thực hiện	0,5		
		Không thực hiện	0		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
	<ul style="list-style-type: none"> - Khám và điều trị NKĐSS/NKLTQĐTD - Tư vấn xét nghiệm sàng lọc HIV, viêm gan B, giang mai cho phụ nữ có thai - Dịch vụ sức khỏe sinh sản thân thiện vị thành niên (gồm cả truyền thông, tư vấn, cung cấp biện pháp tránh thai, điều trị NKĐSS thông thường) - Sàng lọc ung thư cổ tử cung bằng nghiệm pháp axit axetic/lugol - Phá thai đến hết 7 tuần tuổi thai - Sử dụng sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ - trẻ em trong khám thai, khám sức khỏe bà mẹ - trẻ em, tiêm chủng và theo dõi tăng trưởng - Soi cổ tử cung - Đốt điện hoặc đốt laser hoặc áp lạnh cổ tử cung 				
	Tổng cộng		4		

Ghi chú:

- Điểm chuyên môn của đơn vị được tính theo chức năng nhiệm vụ được Sở Y tế giao.

Ví dụ: Đơn vị không được giao nhiệm vụ Kiểm dịch y tế thì điểm chuyên môn là: 70 điểm – 4 điểm = 66 điểm.

- Chấm điểm chuyên môn theo bảng điểm trên căn cứ vào hồ sơ, báo cáo lưu về các hoạt động và không cho điểm trung gian, nếu tiêu chí nào không thực hiện thì không cho điểm.

- Kết quả chấm điểm = tổng số điểm đạt/điểm chuẩn của đơn vị (theo chức năng, nhiệm vụ được giao x 100%.

Ví dụ: điểm chuẩn của đơn vị theo chức năng nhiệm vụ là 96 (không có nhiệm vụ kiểm dịch y tế), chấm điểm về công tác quản lý điều hành đạt 30/30; chấm điểm về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn đạt 60/66 thì cách tính điểm như sau: tổng số điểm đạt là 30 + 60 = 90; kết quả chấm điểm = (90 : 96) x 100% = 93,8% điểm.

- Đối với các đơn vị thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ theo Bảng kiểm tra (theo Thông tư số 26) và được Sở Y tế giao thêm chức năng nhiệm vụ khác thì tùy vào nhiệm vụ được giao thêm, Sở Y tế tự

xây dựng tiêu chí đánh giá chấm điểm nhưng điểm chuẩn không vượt quá 110 điểm (cách tính kết quả như đã nêu trên).

- Đối với các đơn vị thực hiện không đầy đủ chức năng nhiệm vụ theo Bảng kiểm tra (theo Thông tư số 26) và được Sở Y tế giao thêm chức năng nhiệm vụ khác thì tùy vào nhiệm vụ được giao thêm, Sở Y tế tự xây dựng tiêu chí đánh giá chấm điểm nhưng điểm chuẩn cho mỗi khoa chuyên môn được Sở Y tế giao (ngoài Thông tư 26) không vượt quá 3 điểm (cách tính kết quả như đã nêu trên).

Ví dụ: Trung tâm có Khoa Da liễu thì điểm chuẩn khoa này được tính 3 điểm.

Kết quả kiểm tra: (Theo hướng dẫn ban hành kèm Quyết định số /QĐ-BYT ngày / /2020 của Bộ Y tế)

- Điểm chuẩn của đơn vị (A+B):
- Điểm đơn vị tự chấm (A+B):
- Điểm kiểm tra (A+B): Tỷ lệ phần trăm đạt:%
- Xếp loại: Tốt Khá Trung bình Yếu

Thư ký đoàn kiểm tra

Trưởng đoàn kiểm tra

Thủ trưởng đơn vị được kiểm tra

(ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 1.1**NĂNG LỰC XÉT NGHIỆM TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH,
THÀNH PHỐ***(ban hành kèm QĐ số /QĐ-BYT, ngày tháng năm 2020 của Bộ Y tế)***DANH MỤC XÉT NGHIỆM BẮT BUỘC**

TT	Danh mục
I	CÁC KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM CHẨN ĐOÁN VI SINH VẬT GÂY BỆNH
1.1	Vi khuẩn
1	Nuôi cấy phân lập <i>Salmonella</i>
2	Nuôi cấy phân lập <i>Shigella</i>
3	Nuôi cấy phân lập <i>E. Coli</i>
4	Nuôi cấy phân lập <i>V. Cholerae</i>
5	Nuôi cấy phân lập <i>S. Aureus</i>
6	Pha chế môi trường nuôi cấy <i>Salmonella</i>
7	Pha chế môi trường nuôi cấy <i>Shigella</i>
8	Pha chế môi trường nuôi cấy <i>E. Coli</i>
9	Pha chế môi trường nuôi cấy <i>V. Cholerae</i>
10	Quy trình lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển mẫu bệnh phẩm
11	Quy trình Nuôi cấy, phân lập và định danh <i>Yersinia pestis</i> từ bệnh phẩm
12	Mycobacterium leprae nhuộm soi (AFB)
13	Treponema pallidum RPR
14	Nesseria gonorrhoeae nhuộm soi
1.2	Vi rút
15	Chẩn đoán Sốt xuất huyết: - MAC-ELISA - Phát hiện nhanh
16	ELISA vi rút Viêm não Nhật Bản
17	ELISA vi rút Sởi
18	ELISA virút Viêm gan B (thay thế bằng định lượng RT- PCR)
19	Xét nghiệm HIV Ab test nhanh
20	Xét nghiệm kháng định HIV
21	Anti. HCV
22	Anti. HAV
1.3	Côn trùng và Ký sinh trùng
23	Kỹ thuật định loại muỗi
24	Kỹ thuật định loại bọ gậy

TT	Danh mục
25	Lấy lam giọt dày và nhuộm Giemsa phát hiện ký sinh trùng Sốt rét
26	Lấy lam giọt mỏng và nhuộm Giemsa phát hiện ký sinh trùng Sốt rét
27	Kỹ thuật Soi KHV phát hiện ký sinh trùng Sốt rét
II	CÁC XÉT NGHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG
2.1	Xét nghiệm nước
28	Phát hiện và định lượng tổng số coliforms/ Fecal coliform/E. Coli trong nước bằng Phương pháp MPN theo TCVN 6187-2:1996
29	Phát hiện và định lượng tổng số Coliforms trong nước bằng Phương pháp MPN theo TCVN 6187-2:1996
30	Phát hiện và định lượng tổng số Fecal coliform trong nước bằng Phương pháp MPN theo TCVN 6187-2:1996
31	Phát hiện và định lượng tổng số E. Coli trong nước bằng Phương pháp MPN theo TCVN 6187-2:1996
32	Nuôi cấy và xác định vi khuẩn hiếu khí
33	Phát hiện và đếm bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfite bằng Phương pháp thạch ống theo TCVN 6191-1:1996
34	Phát hiện và định lượng tổng số coliforms/ Fecal coliform/E.coli trong nước bằng Phương pháp màng lọc theo TCVN 6187-1:2009
35	Phát hiện và định lượng tổng số Coliforms trong nước bằng Phương pháp màng lọc theo TCVN 6187-1:2009
36	Phát hiện và định lượng tổng số Fecal coliform trong nước bằng Phương pháp màng lọc theo TCVN 6187-1:2009
37	Phát hiện và định lượng tổng số E. Coli trong nước bằng Phương pháp màng lọc theo TCVN 6187-1:2009
38	Phát hiện và đếm bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfite bằng Phương pháp màng lọc theo TCVN 6191-2:1996
39	Định lượng <i>Pseudomonas aeruginosa</i> bằng phương pháp màng lọc theo TCVN 8881:2011.
40	Định lượng <i>Streptococcus faecalis</i> bằng phương pháp màng lọc theo TCVN 6189-2:2009.
41	Độ màu
42	Mùi; vị
43	Độ đục
44	Độ pH
45	Độ cứng, tính theo CaCO ₃
46	Clorua
47	Hàm lượng Sắt
48	Hàm lượng mangan tổng số
49	Hàm lượng Nitrat (NO ₃ ⁻)
50	Hàm lượng Nitrit (NO ₂ ⁻)
51	Hàm lượng Sulfat (SO ₄ ²⁻)

TT	Danh mục
52	Chỉ số Pecmanganat
53	Hàm lượng Clo tự do
54	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)
55	Hàm lượng Chì
56	Hàm lượng Asen
57	Hàm lượng Thủy ngân
58	Chất rắn lơ lửng
59	Amoniac (NH_4^+)
60	Clo thừa (clo dư)
2.2	Xét nghiệm không khí
61	Nấm mốc
62	Tổng số vi khuẩn hiếu khí
63	Amonium (NH_3)
64	Carbon monoxide (CO)
65	Carbon dioxide (CO_2)
66	Sulfur dioxide (SO_2)
67	Nitrogen dioxide (NO_2)
68	Hydrogen sulfide (H_2S)
69	Hơi kiềm
70	Xăng
71	A xit chloride (HCl)
72	A xit Sulfuric (H_2SO_4)
73	Đo bụi toàn phần, hô hấp
III	XÉT NGHIỆM PHỤC VỤ KHÁM SỨC KHỎE, BỆNH NGHỀ NGHIỆP VÀ TƯ VẤN DINH DƯỠNG
3.1	Xét nghiệm sinh hóa-huyết học, chẩn đoán hình ảnh phục vụ khám sức khỏe (Chỉ yêu cầu với các TT đã có Pk tư vấn/đa khoa)
74	Xét nghiệm huyết học
75	Glucose
76	Urê, creatinin
77	GOT, GPT
78	Cholesterol; Triglyceride; HDL-C; LDL-C
79	Protein toàn phần
80	Test nhanh HIV, HbsAg
81	Xét nghiệm nước tiểu
82	Siêu âm: ổ bụng, phần phụ
83	Chụp X quang tim phổi
3.2	Xét nghiệm khác

TT	Danh mục
84	Thử nghiệm áp bì (Patch test)
85	Thử nghiệm lấy da (Prick test)
86	Đo liều sinh học (Biodose test)
87	Thử nghiệm khả năng trung hòa kiềm của da
88	Đo sức nghe
89	Đo chức năng hô hấp
90	Chụp X quang bụi phổi
91	Chụp X quang cột sống thắt lưng thẳng/nghiêng
92	Chụp X quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng
93	Chụp X quang khớp cổ tay
3.3	Xét nghiệm hóa sinh tư vấn dinh dưỡng
94	Canxi toàn phần, canxi ion
IV	XÉT NGHIỆM LÝ HÓA THỰC PHẨM
4.1	Thành phần dinh dưỡng
95	Xác định hàm lượng protein. Phương pháp Kjeldahl
96	Xác định hàm lượng carbohydrate. Phương pháp bertrans
97	Xác định hàm lượng lipid. Phương pháp soxhlet
98	Xác định hàm lượng đường tổng. Phương pháp Lane-Eynon hoặc Bert rand
99	Xác định hàm lượng acid (độ acid)
100	Xác định hàm lượng tro tổng
101	Xác định hàm lượng muối
102	Xác định hàm lượng ethanol
103	Fufurol
104	Methanol
105	Aldehyde
106	Xác định hàm lượng nước
107	Xác định hàm lượng nito ammoniac
108	Xác định hàm lượng nito focmon
109	Hàm lượng I ốt
4.2	Các chỉ tiêu hóa lý cơ bản
110	Định tính kiềm dư
111	Xác định hàm lượng cát sạn
112	Xác định hàm lượng CO ₂ trong đồ uống có ga
113	Xác định hàm lượng chất không tan
114	Đong đo thể tích và xác định khối lượng viên, gói
115	Hàm lượng chất rắn hoà tan
116	Xác định hàm lượng clo dư Phương pháp chuẩn độ

TT	Danh mục
117	Xác định hàm lượng cacbonat và bicarbonat. Phương pháp chuẩn độ
118	Xác định pH ở 20 độ
119	Xác định chỉ số peroxit
120	Xác định chỉ số iot
121	Xác định clorua
122	Độ ẩm
123	Độ mặn
124	Phản ứng Kriess
125	Hàm lượng phụ gia thực phẩm nhóm chất bảo quản
126	Hàm lượng phụ gia thực phẩm nhóm chất tạo ngọt
127	Hàm lượng phụ gia thực phẩm nhóm phẩm màu
4.3	Phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến
128	Xác định nitrat- Phương pháp UV-VIS
129	Xác định nitrit- Phương pháp UV-VIS
4.4	Kim loại và vi khoáng
130	Xác định chỉ số permanganate
131	Xác định độ cứng
4.5	Phân tích các độc tố tự nhiên, độc tố vi sinh vật, độc tố vi nấm và hóa chất độc hại trong chế biến, kháng thể
132	Định tính Focmon bằng test thử nhanh hoặc phương pháp khác
133	Định tính hàn the bằng test thử nhanh hoặc phương pháp khác
134	Định tính axit vô cơ bằng test thử nhanh hoặc phương pháp khác
135	Định tính phẩm màu kiềm hoặc phương pháp khác
4.6	Xét nghiệm vi sinh và ký sinh trùng trong thực phẩm
136	Phương pháp xác định số lượng nhỏ <i>Bacillus cereus</i> giả định số - Phương pháp phát hiện và kỹ thuật tính số có xác suất lớn nhất
137	Phương pháp phát hiện và định lượng <i>coliforms</i>
138	Phương pháp phát hiện và định lượng <i>E.coli</i> giả định. Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất
139	Phát hiện <i>Listeria monocytogen</i>
140	Phương pháp định lượng <i>Staphylococci</i> có phản ứng dương tính với coagulase (<i>Staphylococcus aureus</i> và các loài khác) trên đĩa thạch – kỹ thuật sử dụng môi trường thạch Baird-Parker
141	Phát hiện <i>Salmonella</i>
142	Phương pháp phát hiện <i>Salmonella</i> trên đĩa thạch
143	Phương pháp định lượng vi sinh vật trên đĩa thạch – kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 30 ⁰ C
144	Phương pháp xác định tổng số vi khuẩn hiếu khí

Phụ lục 1.2**NĂNG LỰC XÉT NGHIỆM TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH,
THÀNH PHỐ***(ban hành kèm QĐ số /QĐ-BYT, ngày tháng năm 2020 của Bộ Y tế)***DANH MỤC XÉT NGHIỆM TỰ CHỌN**

TT	Danh mục
I	CÁC KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM CHẨN ĐOÁN VI SINH VẬT GÂY BỆNH
1.1	Vi khuẩn
1.2	Vi rút
1	Xét nghiệm HIV kỹ thuật đơn giản, nhanh theo quy định
2	ELISA HIV hoặc hóa/điện hóa phát quang HIV
1.3	Nấm, đơn bào
1.4	Côn trùng và ký sinh trùng
3	Kỹ thuật định loại ve, mò, mạt
4	Kỹ thuật định loại chấy rận
5	Kỹ thuật định loại bọ chét
6	Thử tính tính nhạy cảm của muỗi với hóa chất diệt muỗi
7	Thử tính tính nhạy cảm của muỗi với hóa chất diệt côn trùng
8	Kỹ thuật test nhanh phát hiện ký sinh trùng Sốt rét (theo bộ kit)
II	CÁC XÉT NGHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG
2.1	Xét nghiệm nước
9	Hàm lượng Thủy ngân
2.2	Xét nghiệm không khí
10	Cầu khuẩn tan máu
11	Chlorin (Cl ₂)
12	Mangan (Mn)
13	Kẽm (Zn)
III	XÉT NGHIỆM PHỤC VỤ KHÁM SỨC KHỎE, BỆNH NGHỀ NGHIỆP VÀ TƯ VẤN DINH DƯỠNG
3.1	Xét nghiệm sinh hóa-huyết học, chẩn đoán hình ảnh phục vụ khám sức khỏe (Chỉ yêu cầu với các Trung tâm có Phòng khám tư vấn điều trị dự phòng/phòng khám đa khoa)
14	Acid uric
15	Thực hiện được xét nghiệm sàng lọc ung thư cổ tử cung (tế bào học âm đạo và/hoặc sinh học phân tử phát hiện HPV)
16	Thực hiện được xét nghiệm sàng lọc ung thư vú (tế bào học và hoặc sinh thiết)
17	Thực hiện được xét nghiệm phục vụ chẩn đoán vô sinh (định lượng nội tiết và/hoặc tinh

TT	Danh mục
	dịch đồ và/hoặc chụp Xquang buồng tử cung – vòi trứng)
18	Thực hiện được xét nghiệm sàng lọc, phát hiện nhiễm khuẩn đường sinh sản, nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục (lậu, giang mai, HBV, nấm âm đạo, Chlamydia, Trichomonas...)
19	Xét nghiệm phát hiện các yếu tố nguy cơ phục vụ sàng lọc trước sinh (Double test, Triple test)
20	Xét nghiệm phát hiện các yếu tố nguy cơ phục vụ sàng lọc sơ sinh
21	Chụp X quang vú
22	Siêu âm vú
23	Siêu âm hình thái học thai nhi (phục vụ sàng lọc trước sinh)
24	Siêu âm sản phụ khoa
3.2	Xét nghiệm sinh hóa-huyết học bệnh nghề nghiệp
25	Xác định hàm lượng chì máu
26	Xác định hàm lượng chì niệu
3.3	Xét nghiệm hóa sinh tư vấn dinh dưỡng
IV	XÉT NGHIỆM LÝ HÓA THỰC PHẨM
4.1	Các chỉ tiêu hóa lý cơ bản
27	Xác định chỉ số khúc xạ
28	Xác định tỷ trọng
29	Xác định hàm lượng chất khô, độ brix
4.2	Phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến
30	Xác định hàm lượng natri glutamate. Phương pháp chuẩn độ
4.3	Kim loại và vi khoáng
31	Xác định As bằng quang phổ hấp thụ nguyên tử. Phương pháp hydrua hóa (HVG – AAS)
32	Xác định Cu bằng quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa (F – AAS)
33	Xác định Fe. Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa (F – AAS)
34	Xác định Zn. Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa (F – AAS)
35	Xác định Hg bằng AAS
36	Xác định Cd bằng AAS
37	Xác định Pb bằng AAS
38	Xác định Mn bằng AAS
4.4	Tồn dư hóa chất trong nuôi trồng
39	Định tính Focmon bằng test thử nhanh
4.5	Xét nghiệm vi sinh và ký sinh trùng trong thực phẩm
40.	Định lượng tổng vi sinh vật hiếu khí bằng phương pháp sử dụng đĩa petrifilm

Phụ lục 2**BẢNG KIỂM TRA CHI TIẾT CHO HOẠT ĐỘNG
PHÒNG CHỐNG HIV/AIDS***(ban hành kèm Quyết định số /QĐ-BYT ngày tháng năm 2020 của Bộ Y tế)***Phòng chống HIV/AIDS: 8 điểm**

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
I	Kế hoạch, tài chính và nhân lực phòng, chống HIV/AIDS		1,5		
1	Lập kế hoạch về phòng, chống HIV/AIDS		0,7		
1.1	Kế hoạch hàng năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt có nội dung chi tiết về Phòng, chống HIV/AIDS	Kế hoạch giai đoạn và kế hoạch năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt	0,1		
		Không có	0		
1.2	Các chỉ tiêu cụ thể trong kế hoạch Phòng, chống HIV/AIDS phù hợp với các chỉ tiêu trong Chiến lược phòng, chống HIV/AIDS và tình hình thực hiện các chỉ tiêu của địa phương	Kế hoạch giai đoạn và kế hoạch năm có các chỉ tiêu cần đạt được phù hợp	0,2		
		Không có	0		
1.3	Có giải pháp, hoạt động phù hợp với hướng dẫn của Cục Phòng, chống HIV/AIDS và tình hình thực tế của địa phương	Kế hoạch giai đoạn và Kế hoạch năm của tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt so với hướng dẫn và tình hình thực tế của địa phương	0,2		
		Không có			
1.4	Đảm bảo cung ứng, quản lý, sử dụng thuốc, sinh phẩm và vật dụng can thiệp phục vụ công tác phòng, chống HIV/AIDS: - Lập nhu cầu, quản lý sử dụng, báo cáo tình hình sử dụng, báo cáo tồn kho thuốc ARV, thuốc điều trị nghiện trên toàn tỉnh thuộc các nguồn chịu trách nhiệm quản lý - Lập nhu cầu, quản lý sử dụng, báo cáo tình hình sử dụng, báo	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
	cáo tồn kho sinh phẩm, vật phẩm can thiệp giảm hại trên toàn tỉnh thuộc các nguồn chịu trách nhiệm quản lý	Không thực hiện	0		
2	Về tài chính		0,5		
2.1	Có kế hoạch hoặc đề án đảm bảo tài chính chấm dứt dịch bệnh AIDS theo Quyết định 1246/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Cục Phòng chống HIV/AIDS được cấp có thẩm quyền phê duyệt:	Kế hoạch hoặc đề án đảm bảo tài chính	0,3		
		Không có/ không đảm bảo	0		
2.2	Hàng năm, kinh phí địa phương cho phòng, chống HIV/AIDS được phân bổ tối thiểu theo kế hoạch đã được phê duyệt: Ngân sách được phân bổ hàng năm so với nhu cầu trong đề án	Đảm bảo ngân sách	0,2		
		Không đảm bảo ngân sách	0		
3	Đảm bảo nhân lực chuyên môn về phòng, chống HIV/AIDS đủ số lượng và chất lượng: Quyết định thành lập nhóm hỗ trợ kỹ thuật tuyến tỉnh theo Quyết định số 328/QĐ-AIDS ngày 31/12/2019 của Cục Phòng, chống HIV/AIDS (gồm: Quyết định, quy chế hoạt động, kế hoạch hoạt động năm của nhóm hỗ trợ kỹ thuật)		0,3		
3.1	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh có đủ nhân lực chuyên môn (số lượng và chất lượng) để thực hiện công tác phòng, chống HIV/AIDS, đặc biệt là các lĩnh vực xét nghiệm HIV, dự phòng (điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế), điều trị HIV/AIDS và giám sát dịch HIV/AIDS	Đủ nhân lực	0,2		
		Không đủ nhân lực	0		
3.2	Đảm bảo đủ số lượng, thành phần cán bộ tham gia Nhóm hỗ	Đảm bảo	0,1		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
	trợ kỹ thuật tuyến tính theo Quyết định số 328/QĐ-AIDS ngày 31/12/2019 của Cục Phòng, chống HIV/AIDS	Không đảm bảo	0		
II	Dự phòng lây nhiễm HIV		1,5		
1	Truyền thông phòng, chống HIV/AIDS Có triển khai hoạt động truyền thông về phòng, chống HIV/AIDS trên địa bàn tỉnh: Tin, bài, báo cáo các hoạt động truyền thông phòng, chống HIV/AIDS	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		
2	Phối hợp liên ngành, huy động cộng đồng Có triển khai hoạt động phối hợp liên ngành, huy động cộng đồng trong phòng, chống HIV/AIDS: Báo cáo kết quả triển khai hoạt động phối hợp liên ngành, huy động cộng đồng	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,1		
		Thực hiện không đầy đủ	0,05		
		Không thực hiện	0		
3	Phân phát bơm kim tiêm (BKT)		0,3		
3.1	Có tổ chức triển khai hoạt động phân phát BKT sạch và thu gom BKT đã qua sử dụng trên địa bàn tỉnh: Văn bản chỉ đạo; các hướng dẫn chuyên môn và hỗ trợ kỹ thuật; báo cáo kết quả hoạt động	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		
3.2	Có tổ chức kiểm tra, giám sát, hỗ trợ triển khai hoạt động phân phát BKT: Kế hoạch giám sát có nội dung về bơm kim tiêm; báo cáo giám sát; báo cáo hỗ trợ kỹ thuật	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,1		
		Thực hiện không đầy đủ	0,05		
		Không thực hiện	0		
4	Phân phát bao cao su (BCS)		0,3		
4.1	Có tổ chức triển khai hoạt động phân phát BCS trên địa bàn tỉnh: Văn bản chỉ đạo; các hướng dẫn chuyên môn và hỗ trợ kỹ thuật; báo cáo kết quả hoạt động	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
4.2	Có tổ chức kiểm tra, giám sát, hỗ trợ kỹ thuật triển khai hoạt động phân phát BCS: Kế hoạch giám sát; báo cáo giám sát; báo cáo hỗ trợ kỹ thuật	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,1		
		Thực hiện không đầy đủ	0,05		
		Không thực hiện	0		
5	Điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV (PrEP)		0,3		
5.1	Có tổ chức triển khai hoạt động PrEP: Văn bản chỉ đạo; các hướng dẫn chuyên môn và hỗ trợ kỹ thuật; báo cáo kết quả hoạt động	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		
5.2	Kiểm tra, giám sát, hỗ trợ kỹ thuật triển khai hoạt động PrEP Kiểm tra: Kế hoạch giám sát; báo cáo giám sát; báo cáo hỗ trợ kỹ thuật, các văn bản phản hồi/thông báo tới cơ sở về các vấn đề điều trị PrEP sau khi giám sát, hỗ trợ kỹ thuật	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,1		
		Thực hiện không đầy đủ	0,05		
		Không thực hiện	0		
6	Điều trị nghiện chất nghiện các chất dạng thuốc phiện (CDTP)		0,3		
6.1	Có tổ chức triển khai hoạt động điều trị nghiện chất nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế trên địa bàn tỉnh: Văn bản chỉ đạo; các hướng dẫn chuyên môn và hỗ trợ kỹ thuật; báo cáo kết quả hoạt động	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		
6.2	Có tổ chức kiểm tra, giám sát, hỗ trợ kỹ thuật triển khai hoạt động điều trị nghiện chất nghiện các chất dạng thuốc phiện: Kế hoạch giám sát; báo cáo giám sát; báo cáo hỗ trợ kỹ thuật	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,1		
		Thực hiện không đầy đủ	0,05		
		Không thực hiện	0		
III	Chăm sóc, điều trị người nhiễm HIV/AIDS		1,5		
1	Mở rộng điều trị thuốc ARV và xét nghiệm tải lượng HIV		0,5		
1.1	Tổ chức triển khai điều trị	Thực hiện đầy đủ theo	0,2		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
	HIV/AIDS tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh/TP, bao gồm phối hợp điều trị ARV trong trại giam, mở rộng điều trị ARV nhanh và cấp thuốc ARV nhiều tháng: Có văn bản hướng dẫn, tổ chức tập huấn, kiểm tra, giám sát, hỗ trợ kỹ thuật về điều trị HIV/AIDS cho các cơ sở trên địa bàn tỉnh/TP	đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)			
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		
1.2	Có tổ chức cấp phát thuốc ARV 3 tháng cho bệnh nhân HIV/AIDS theo hướng dẫn của Bộ Y tế	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,1		
		Thực hiện không đầy đủ	0,05		
		Không thực hiện	0		
1.3	Triển khai điều trị sớm trong vòng 7 ngày cho 80% trở lên số bệnh nhân HIV/AIDS bắt đầu điều trị trong kỳ báo cáo	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,1		
		Thực hiện không đầy đủ	0,05		
		Không thực hiện	0		
1.4	Tổ chức cung cấp xét nghiệm tải lượng HIV thường quy cho tối thiểu 70% số người bệnh HIV/AIDS: Các văn bản hướng dẫn tổ chức triển khai và báo cáo xét nghiệm CD4 và tải lượng HIV các nguồn BHYT, dự án	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,1		
		Thực hiện không đầy đủ	0,05		
		Không thực hiện	0		
2	Quản lý chất lượng điều trị HIV/AIDS và cảnh báo sớm HIV kháng thuốc: Triển khai hoạt động quản lý chất lượng điều trị HIV/AIDS và cảnh báo sớm HIV kháng thuốc		0,3		
2.1	$\geq 70\%$ cơ sở điều trị HIV/AIDS triển khai hoạt động quản lý chất lượng điều trị HIV/AIDS hoặc cảnh báo sớm HIV kháng thuốc.	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,05		
		Thực hiện không đầy đủ	0,03		
		Không thực hiện	0		
2.2	Báo cáo hằng năm về kết quả các chỉ số chất lượng điều trị HIV hoặc Báo cáo kết quả thu thập chỉ số cảnh báo sớm HIV kháng thuốc.	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,05		
		Thực hiện không đầy đủ	0,03		
		Không thực hiện	0		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
2.3	100% các cơ sở điều trị HIV không có bất kỳ một ngày nào hết thuốc ARV trong kho (chỉ số theo khuyến cáo của WHO)	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,05		
		Thực hiện không đầy đủ	0,03		
		Không thực hiện	0		
2.4	100% bệnh nhân HIV được khẳng định thất bại điều trị ARV bậc 1 được chuyển sang điều trị phác đồ ARV bậc 2 trong vòng 3 tháng (chỉ số theo khuyến cáo của WHO)	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,05		
		Thực hiện không đầy đủ	0,03		
		Không thực hiện	0		
2.5	>85% người bệnh HIV/AIDS duy trì điều trị ARV tại thời điểm 12 tháng sau khi bắt đầu điều trị (chỉ số theo khuyến cáo của WHO)	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,1		
		Thực hiện không đầy đủ	0,05		
		Không thực hiện	0		
3	Phối hợp HIV/lao: Triển khai và theo dõi hoạt động kiểm soát nhiễm khuẩn lao, phát hiện lao tích cực, điều trị dự phòng lao và phối hợp quản lý ca bệnh đồng nhiễm HIV/lao tại các cơ sở điều trị HIV/AIDS		0,2		
3.1	Các văn bản hướng dẫn tổ chức triển khai và báo cáo kết quả hoạt động phối hợp HIV/lao tại các cơ sở điều trị HIV/AIDS	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,05		
		Thực hiện không đầy đủ	0,03		
		Không thực hiện	0		
3.2	100% cơ sở điều trị HIV/AIDS thực hiện điều trị dự phòng lao cho người nhiễm HIV	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,05		
		Thực hiện không đầy đủ	0,03		
		Không thực hiện	0		
3.3	100% cơ sở điều trị HIV/AIDS có triển khai quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn lao và phối hợp điều trị ARV cho bệnh nhân đồng nhiễm HIV/lao	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,05		
		Thực hiện không đầy đủ	0,03		
		Không thực hiện	0		
3.4	Đạt từ 90% trở lên chỉ tiêu kế hoạch năm về điều trị dự phòng lao ở người nhiễm HIV	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,05		
		Thực hiện không đầy đủ	0,03		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
		Không thực hiện	0		
4	Điều trị đồng nhiễm viêm gan C/HIV: Triển khai điều trị viêm gan C trên người bệnh đồng nhiễm HIV/viêm gan C		0,2		
4.1	Các văn bản hướng dẫn tổ chức triển khai điều trị đồng nhiễm viêm gan C/HIV	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,05		
		Thực hiện không đầy đủ	0,03		
		Không thực hiện	0		
4.2	≥70% cơ sở điều trị HIV triển khai quy trình điều trị viêm gan C trên người bệnh đồng nhiễm HIV/viêm gan C	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,05		
		Thực hiện không đầy đủ	0,03		
		Không thực hiện	0		
4.3	≥70% chỉ tiêu kế hoạch hằng năm người bệnh đồng nhiễm HIV/viêm gan C được điều trị viêm gan C	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,1		
		Thực hiện không đầy đủ	0,05		
		Không thực hiện	0		
5	Dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con		0,3		
5.1	100% các cơ sở sản khoa có sinh triển khai các can thiệp để giảm lây truyền HIV từ mẹ sang con	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,15		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		
5.2	100% cơ sở điều trị HIV/AIDS có triển khai điều trị thuốc ARV trong dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,15		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		
IV	Giám sát, theo dõi, đánh giá và xét nghiệm HIV		1,5		
1	Mở rộng và đa dạng dịch vụ tư vấn xét nghiệm HIV		0,3		
1.1	Triển khai các hoạt động tư vấn xét nghiệm HIV tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh/TP theo đúng hướng dẫn:	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản hướng dẫn tổ chức triển khai hoạt động tư vấn xét nghiệm HIV - Các biên bản kiểm tra, giám sát và hỗ trợ kỹ thuật các hoạt động về tư vấn xét nghiệm HIV tại các cơ sở y tế - Các báo cáo kết quả hoạt động tư vấn xét nghiệm HIV của đơn vị cung cấp dịch vụ 	Không thực hiện	0		
1.2	<p>Triển khai các hoạt động tư vấn xét nghiệm sàng lọc HIV tại cộng đồng, xét nghiệm HIV lưu động và tự xét nghiệm HIV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản hướng dẫn tổ chức triển khai hoạt động tư vấn xét nghiệm HIV tại cộng đồng, xét nghiệm HIV lưu động và tự xét nghiệm HIV - Các biên bản kiểm tra, giám sát và hỗ trợ kỹ thuật các hoạt động về tư vấn xét nghiệm HIV tại cộng đồng, xét nghiệm HIV lưu động và tự xét nghiệm HIV - Các báo cáo kết quả hoạt động tư vấn xét nghiệm HIV tại cộng đồng, xét nghiệm HIV lưu động và tự xét nghiệm HIV 	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,1		
		Thực hiện không đầy đủ	0,05		
		Không thực hiện	0		
2	Mở rộng xét nghiệm kháng định HIV và đảm bảo chất lượng xét nghiệm.		0,3		
2.1	<p>Có triển khai xét nghiệm kháng định HIV trên địa bàn tỉnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản hướng dẫn xét nghiệm kháng định HIV - Các biên bản kiểm tra, giám sát và hỗ trợ kỹ thuật triển khai xét nghiệm kháng định HIV xuống 	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,1		
		Thực hiện không đầy đủ	0,05		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
	- Kết quả thực hiện so với kế hoạch	Không thực hiện	0		
2.2	Có triển khai mở rộng xét nghiệm khẳng định HIV tại tuyến huyện: - Các văn bản hướng dẫn, kế hoạch mở rộng xét nghiệm khẳng định HIV xuống tuyến huyện - Các biên bản kiểm tra, giám sát và hỗ trợ kỹ thuật triển khai hoạt động mở rộng xét nghiệm khẳng định HIV xuống tuyến huyện - Kết quả thực hiện so với kế hoạch	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,1		
		Thực hiện không đầy đủ	0,05		
		Không thực hiện	0		
2.3	Tham gia chương trình ngoại kiểm (EQUAS): - Các biên bản kiểm tra, giám sát và hỗ trợ kỹ thuật liên quan thực hiện chương trình ngoại kiểm - Kết quả thực hiện ngoại kiểm	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,1		
		Thực hiện không đầy đủ	0,05		
		Không thực hiện	0		
3.	Giám sát dịch tễ học HIV/AIDS		0,3		
3.1	Thực hiện giám sát phát hiện trường hợp nhiễm HIV theo quy định tại Thông tư số 09/2012/TT-BYT: - Các văn bản hướng dẫn, kế hoạch thực hiện giám sát phát hiện các trường hợp nhiễm HIV - Kết nối dữ liệu giám sát phát hiện và dữ liệu điều trị	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,1		
		Thực hiện không đầy đủ	0,05		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
	<ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng phần mềm HIV info để quản lý dữ liệu tại 100% quận, huyện - Báo cáo theo quy định (có đầy đủ số liệu của các đơn vị; báo cáo đúng thời gian) 	Không thực hiện	0		
3.2	<p>Triển khai giám sát trọng điểm HIV (áp dụng cho các tỉnh có trong Quyết định số 373 của Bộ trưởng Bộ Y tế):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản hướng dẫn, kế hoạch thực hiện giám sát trọng điểm HIV, giám sát trọng điểm HIV lồng ghép hành vi - Cỡ mẫu thu thập đạt chỉ tiêu cỡ mẫu theo quy định - Báo cáo theo quy định (có đầy đủ số liệu, báo cáo đúng thời gian) 	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,1		
	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản hướng dẫn, kế hoạch thực hiện giám sát trọng điểm HIV, giám sát trọng điểm HIV lồng ghép hành vi 	Thực hiện không đầy đủ	0,05		
	<ul style="list-style-type: none"> - Cỡ mẫu thu thập đạt chỉ tiêu cỡ mẫu theo quy định - Báo cáo theo quy định (có đầy đủ số liệu, báo cáo đúng thời gian) 	Không thực hiện	0		
3.3	<p>Triển khai các điều tra, đánh giá về dịch tễ học HIV, hoạt động phòng chống HIV/AIDS (lập bản đồ điểm nóng, ước tính quần thể, đánh giá chương trình, các nghiên cứu chuyên biệt...):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản hướng dẫn, kế hoạch tổ chức thực hiện - Báo cáo kết quả thực hiện - Số lượng và tiến độ thực hiện so với kế hoạch 	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,1		
	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản hướng dẫn, kế hoạch tổ chức thực hiện 	Thực hiện không đầy đủ	0,05		
	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thực hiện - Số lượng và tiến độ thực hiện so với kế hoạch 	Không thực hiện	0		
4	Báo cáo kết quả thực hiện chương trình phòng, chống HIV/AIDS và giám sát chất lượng chương trình		0,3		
4.1	Thực hiện báo cáo chương trình phòng chống HIV/AIDS	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
	theo quy định tại Thông tư số 03/2015/TT-BYT: - Các văn bản hướng dẫn các đơn vị thực hiện báo cáo - Ứng dụng báo cáo trực tuyến tại 100% quận, huyện - Thực hiện báo cáo theo quy định (có đầy đủ số liệu của các đơn vị; báo cáo đúng thời gian)	Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		
4.2	Giám sát, hỗ trợ kỹ thuật, đảm bảo chất lượng số liệu chương trình: - Các văn bản hướng dẫn, kế hoạch giám sát hỗ trợ kỹ thuật - Biên bản giám sát - Số lượng thực hiện giám sát so với kế hoạch	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,1		
		Thực hiện không đầy đủ	0,05		
		Không thực hiện	0		
5	Sử dụng số liệu để quản lý chương trình: - Các văn bản hướng dẫn, kế hoạch sử dụng số liệu để quản lý chương trình. - Số liệu được sử dụng cho việc lập kế hoạch hàng năm và kế hoạch dài hạn. - Số liệu được sử dụng để cải thiện chất lượng cung cấp dịch vụ. - Xem các kế hoạch năm, kế hoạch dài hạn và báo cáo cải thiện chất lượng dịch vụ chương trình.	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,3		
		Thực hiện không đầy đủ	0,15		
		Không thực hiện	0		
V	Thực hiện các chỉ tiêu được giao: Căn cứ các chỉ tiêu đặt ra trong kế hoạch phòng, chống HIV/AIDS, đánh giá mức độ thực hiện chỉ tiêu. Cách chấm điểm như sau (trừ những chỉ tiêu cho hướng dẫn riêng dưới đây): - Đạt $\geq 90\%$ so với kế hoạch: 100% số điểm - Đạt $70\% - < 90\%$ so với kế hoạch: 50% số điểm		2,0		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
	- Đạt <70% so với kế hoạch: 0 điểm Nếu trong kế hoạch không có chỉ tiêu thì không được điểm				
1	Dự phòng lây nhiễm HIV		0,6		
1.1	Tỷ lệ người có hành vi nguy cơ cao lây nhiễm HIV được tiếp cận dịch vụ dự phòng lây nhiễm HIV: - Các nhóm nguy cơ cao bao gồm: Phụ nữ bán dâm, nghiện chích ma túy, nam quan hệ tình dục đồng giới - Các dịch vụ dự phòng lây nhiễm HIV bao gồm: BKT, BCS, PrEP, điều trị nghiện bằng thuốc thay thế	Đạt $\geq 90\%$ so với kế hoạch	0,2		
		Đạt 70% - <90% so với kế hoạch	0,1		
		Đạt <70% so với kế hoạch/ không có chỉ tiêu	0		
1.2	Chỉ tiêu về MSM được điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV bằng thuốc (PrEP)	Đạt $\geq 90\%$ so với kế hoạch	0,2		
		Đạt 70% - <90% so với kế hoạch	0,1		
		Đạt <70% so với kế hoạch/ không có chỉ tiêu	0		
1.3	Chỉ tiêu về điều trị chất dạng thuốc phiện được điều trị bằng thuốc thay thế	Đạt $\geq 90\%$ so với kế hoạch	0,2		
		Đạt 70% - <90% so với kế hoạch	0,1		
		Đạt <70% so với kế hoạch/ không có chỉ tiêu	0		
2	Giám sát, tư vấn và xét nghiệm		0,6		
2.1	Tỷ lệ người nhiễm HIV trong cộng đồng biết tình trạng HIV của mình	Đạt $\geq 90\%$ so với kế hoạch	0,2		
		Đạt 70% - <90% so với kế hoạch	0,1		
		Đạt <70% so với kế hoạch/ không có chỉ tiêu	0		
2.2	Tỷ lệ người có hành vi nguy cơ cao lây nhiễm HIV được xét nghiệm HIV hằng năm: Nhóm nguy cơ cao bao gồm phụ nữ bán dâm, người nghiện chích ma túy và nam quan hệ tình dục đồng giới	Đạt $\geq 90\%$ so với kế hoạch	0,2		
		Đạt 70% - <90% so với kế hoạch	0,1		
		Đạt <70% so với kế hoạch/ không có chỉ tiêu	0		
2.3	Tỷ lệ người phát hiện nhiễm	Đạt $\geq 90\%$ so với kế hoạch	0,2		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
	HIV được kết nối, tham gia điều trị ARV trong kỳ báo cáo	Đạt 70% - <90% so với kế hoạch	0,1		
		Đạt <70% so với kế hoạch/ không có chỉ tiêu	0		
3	Điều trị HIV/AIDS		0,8		
3.1	Tỷ lệ người nhiễm HIV biết tình trạng HIV được điều trị ARV	Đạt $\geq 90\%$ so với kế hoạch	0,2		
		Đạt 70% - <90% so với kế hoạch	0,1		
		Đạt <70% so với kế hoạch/ không có chỉ tiêu	0		
3.2	Tỷ lệ người nhiễm HIV điều trị thuốc ARV đủ tiêu chuẩn xét nghiệm tải lượng HIV được xét nghiệm tải lượng	Đạt $\geq 90\%$ so với kế hoạch	0,2		
		Đạt 70% - <90% so với kế hoạch	0,1		
		Đạt <70% so với kế hoạch/ không có chỉ tiêu	0		
3.3	Tỷ lệ người nhiễm HIV điều trị bằng thuốc ARV có tải lượng HIV ở dưới ngưỡng ức chế (1000 bản sao/ml máu)	Đạt $\geq 95\%$	0,2		
		Đạt 90% - <95%	0,1		
		Dưới 90%	0		
3.4	Tỷ lệ bệnh nhân đồng nhiễm HIV/Lao được điều trị đồng thời cả ARV và Lao	Đạt $\geq 90\%$ so với kế hoạch	0,1		
		Đạt 70% - <90% so với kế hoạch	0,05		
		Đạt <70% so với kế hoạch/ không có chỉ tiêu	0		
3.5	Tỷ lệ người bệnh đồng nhiễm HIV/viêm gan C được điều trị đồng thời thuốc ARV và điều trị viêm gan C	Đạt $\geq 90\%$ so với kế hoạch	0,1		
		Đạt 70% - <90% so với kế hoạch	0,05		
		Đạt <70% so với kế hoạch/ không có chỉ tiêu	0		
	Tổng cộng		8,0		

Phụ lục 3**BẢNG KIỂM TRA CHI TIẾT CHO HOẠT ĐỘNG
CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN***(ban hành kèm Quyết định số /QĐ-BYT ngày tháng năm 2020 của Bộ Y tế)***Sức khỏe sinh sản: 8 điểm**

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
I	Công tác lập kế hoạch và thống kê, báo cáo		0,7		
1	Kế hoạch năm được xây dựng và phổ biến, triển khai đến các quận/huyện trong toàn tỉnh: Kế hoạch và các văn bản triển khai, hướng dẫn gửi các địa phương, đơn vị	Có kế hoạch và chi tiêu cụ thể	0,2		
Kế hoạch không có chi tiêu cụ thể		0,1			
Không thực hiện		0			
2	Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch được lập và gửi về trung ương theo đúng quy định: Báo cáo quý tình hình thực hiện hoạt động CSSKSS thuộc Chương trình mục tiêu y tế - dân số	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
Thực hiện không đầy đủ		0,1			
Không thực hiện		0			
3	Công tác thống kê, báo cáo định kỳ các chỉ số CSSKSS được thực hiện đúng quy định (đủ số liệu, đúng thời gian quy định): Báo cáo quý, báo cáo năm lưu tại CDC	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,1		
Thực hiện không đầy đủ		0,05			
Không thực hiện		0			
4	Có tổ chức giao ban định kỳ (tháng/quý) với các TTYT quận/huyện về công tác CSSKSS	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
Thực hiện không đầy đủ		0,1			
Không thực hiện		0			
II	Công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ		2,4		
1	Cung cấp thông tin về chăm sóc sức khỏe bà mẹ và phối hợp với Khoa Truyền thông - giáo dục sức khỏe tổ chức các hoạt động truyền thông vận động, thông tin, giáo dục, truyền thông về	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
Thực hiện không đầy đủ		0,1			
Không thực hiện		0			

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
	chăm sóc sức khỏe bà mẹ				
2	Có triển khai Sổ Theo dõi SKBMTE theo QĐ số 140/QĐ-BYT ngày 20/1/2020	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		
3	Thực hiện kế hoạch đào tạo về chăm sóc sức khỏe bà mẹ	Thực hiện được >95% kế hoạch	0,2		
		Thực hiện được >80% - 95% kế hoạch	0,15		
		Thực hiện được >60% - 80% kế hoạch	0,1		
4	Thực hiện chỉ tiêu khám thai trên toàn tỉnh	Tỷ lệ PNCT được khám thai 4 lần trở lên trong 3 thai kỳ >90%	0,3		
		Tỷ lệ PNCT được khám thai 4 lần trở lên trong 3 thai kỳ >80% - 90%	0,25		
		Tỷ lệ PNCT được khám thai 4 lần trở lên trong 3 thai kỳ >70% - 80%	0,2		
5	Thực hiện chỉ tiêu sàng lọc HIV cho PNCT	Tỷ lệ PN đẻ được xét nghiệm HIV trong thời gian mang thai >70%	0,2		
		Tỷ lệ PN đẻ được xét nghiệm HIV trong thời gian mang thai >60%-70%	0,15		
		Tỷ lệ PN đẻ được xét nghiệm HIV trong thời gian mang thai >50%-60%	0,12		
		Tỷ lệ PN đẻ được xét nghiệm HIV trong thời gian mang thai >40%-50%	0,1		
6	Thực hiện chỉ tiêu điều trị ARV dự phòng lây truyền mẹ con cho PNCT	Tỷ lệ PN đẻ nhiễm HIV được điều trị ARV >90%	0,2		
		Tỷ lệ PN đẻ nhiễm HIV được điều trị ARV >80%	0,15		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
		- 90%			
		Tỷ lệ PN dễ nhiễm HIV được điều trị ARV >70% - 80%	0,12		
		Tỷ lệ PN dễ nhiễm HIV được điều trị ARV >60% - 70%	0,1		
7	Thực hiện chỉ tiêu xét nghiệm sàng lọc Viêm gan B cho PNCT	Tỷ lệ PNCT được xét nghiệm HBV >70%	0,2		
		Tỷ lệ PNCT được xét nghiệm HBV >60% - 70%	0,15		
		Tỷ lệ PNCT được xét nghiệm HBV >50% - 60%	0,12		
		Tỷ lệ PNCT được xét nghiệm HBV >40% - 50%	0,1		
8	Thực hiện chỉ tiêu xét nghiệm sàng lọc Giang mai cho PNCT	Tỷ lệ PNCT được xét nghiệm Giang mai >50%	0,2		
		Tỷ lệ PNCT được xét nghiệm Giang mai >40% - 50%	0,15		
		Tỷ lệ PNCT được xét nghiệm Giang mai >30% - 40%	0,12		
		Tỷ lệ PNCT được xét nghiệm Giang mai >20% - 30%	0,1		
9	Thực hiện chỉ tiêu PN dễ được nhân viên y tế hỗ trợ	Tỷ lệ PN dễ được nhân viên y tế hỗ trợ >95%	0,2		
		Tỷ lệ PN dễ được nhân viên y tế hỗ trợ >90% - 95%	0,15		
		Tỷ lệ PN dễ được nhân viên y tế hỗ trợ >80% - 90%	0,1		
		Tỷ lệ PN dễ được nhân viên y tế hỗ trợ >60 - 80%	0,05		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
10	Thực hiện chỉ tiêu về chăm sóc sau sinh	Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc tại nhà trong 42 ngày đầu sau sinh >95%	0,2		
		Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc tại nhà trong 42 ngày đầu sau sinh >80% - 95%	0,15		
		Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc tại nhà trong 42 ngày đầu sau sinh >70% - 80%	0,1		
11	Báo cáo định kỳ đủ, đúng hạn các trường hợp tử vong mẹ	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,1		
		Thực hiện không đầy đủ	0,05		
		Không thực hiện	0		
12	Tỷ lệ các ca tử vong mẹ đến thời điểm báo cáo được thẩm định theo đúng hướng dẫn của Bộ Y tế ¹ : Báo cáo thẩm định tử vong mẹ	80% - 100% các ca TVM được thẩm định	0,2		
		60% - <80% các ca TVM được thẩm định	0,15		
		40% - <60% các ca TVM được thẩm định	0,1		
III	Công tác chăm sóc sức khỏe trẻ em		1,45		
1	Cung cấp thông tin về chăm sóc sức khỏe trẻ em và phối hợp với Khoa Truyền thông - giáo dục sức khỏe tổ chức các hoạt động truyền thông vận động, thông tin, giáo dục, truyền thông về chăm sóc sức khỏe trẻ em	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,15		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		
2	Có kế hoạch triển khai Chương trình CSDD 1000 ngày đầu đời nhằm phòng chống SDD bà mẹ trẻ em, nâng cao tâm vóc người VN (theo QĐ số 1896/QĐ-TTg ngày 25/12/2019 của Thủ tướng CP)	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		

¹ Nếu trong năm không có tử vong mẹ thì được tính 0,2 điểm

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
3	Thực hiện kế hoạch đào tạo về lồng ghép chăm sóc trẻ bệnh (IMCI)	Thực hiện được 95% kế hoạch	0,2		
		Thực hiện được >80% - 95% kế hoạch	0,15		
		Thực hiện được >60% - 80% kế hoạch	0,1		
4	Thực hiện quy trình chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh (EENC) theo hướng dẫn của Bộ Y tế (bao gồm cả đẻ đường dưới và đẻ mổ) Xem báo cáo	Tỷ lệ ca đẻ được thực hiện đầy đủ quy trình EENC >80%	0,3		
		Tỷ lệ ca đẻ được thực hiện đầy đủ quy trình EENC >70% - 80%	0,25		
		Tỷ lệ ca đẻ được thực hiện đầy đủ quy trình EENC >60% - 70%	0,2		
5	Có kế hoạch và triển khai thực hiện các hoạt động trong Tuần lễ thế giới nuôi con bằng sữa mẹ theo hướng dẫn của Bộ Y tế Xem báo cáo	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		
6	Thực hiện chỉ tiêu trẻ sơ sinh được tiêm Vitamin K1	Tỷ lệ trẻ sơ sinh đẻ tại CSYT được tiêm Vitamin K1 100%	0,2		
		Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tiêm Vitamin K1 >90% - 99%	0,15		
		Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tiêm Vitamin K1 >80% - 90%	0,1		
7	Tỷ lệ sơ sinh dưới 2500g	Giảm so với năm trước	0,2		
		Giữ nguyên so với năm trước	0,15		
IV	Công tác phòng chống nhiễm khuẩn và ung thư đường sinh sản		0,65		
1	Cung cấp thông tin về phòng chống nhiễm khuẩn, ung thư sinh sản và phối hợp với Khoa Truyền thông - giáo dục sức khỏe tổ chức các hoạt động truyền thông vận động, thông	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,1		
		Thực hiện không đầy đủ	0,05		
		Không thực hiện	0		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
	tin, giáo dục, truyền thông về phòng chống nhiễm khuẩn, ung thư sinh sản				
2	Thực hiện kế hoạch đào tạo về phòng chống nhiễm khuẩn và ung thư đường sinh sản	Thực hiện được 95% kế hoạch	0,15		
		Thực hiện được >80% – 95% kế hoạch	0,1		
		Thực hiện được >60% - 80% kế hoạch	0,05		
3	Có kế hoạch và triển khai khám sàng lọc, phát hiện nhiễm khuẩn và ung thư đường sinh sản Xem Kế hoạch và báo cáo	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		
4	Tỷ lệ trạm y tế xã thực hiện khám sàng lọc ung thư cổ tử cung bằng VIA/VILI test	>70% số trạm y tế xã	0,2		
		>50% - 70% số trạm y tế xã	0,15		
		>30% - 50% số trạm y tế xã	0,1		
		>20% - 30% số trạm y tế xã	0,05		
V	Cung cấp dịch vụ KHHGD và Phá thai an toàn		0,65		
1	Cung cấp thông tin về KHHGD, PTAT và phối hợp với Khoa Truyền thông - giáo dục sức khỏe tổ chức các hoạt động truyền thông vận động, thông tin, giáo dục, truyền thông về KHHGD và PTAT	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,1		
		Thực hiện không đầy đủ	0,05		
		Không thực hiện	0		
2	Thực hiện kế hoạch đào tạo về cung cấp dịch vụ KHHGD và PTAT	Thực hiện được 95% kế hoạch	0,15		
		Thực hiện được >80% - 95% kế hoạch	0,1		
		Thực hiện được >60% - 80% kế hoạch	0,05		
3	Tỷ số phá thai (trên 100 trẻ đẻ sống)	Giảm so với năm trước	0,2		
		Giữ nguyên so với năm trước	0,15		
4	Số ca tai biến do phá thai	Giảm so với năm trước	0,2		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
		Giữ nguyên so với năm trước	0,15		
VI	Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên, nam giới		0,65		
1	Cung cấp thông tin về CSSKSS vị thành niên, nam giới và phối hợp với Khoa Truyền thông - giáo dục sức khỏe tổ chức các hoạt động truyền thông vận động, thông tin, giáo dục, truyền thông về CSSKSS vị thành niên, nam giới	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,1		
		Thực hiện không đầy đủ	0,05		
		Không thực hiện	0		
2	Triển khai đào tạo về về cung cấp dịch vụ CSSKSS thân thiện với vị thành niên	Thực hiện được 95% kế hoạch	0,15		
		Thực hiện được >80% - 95% kế hoạch	0,1		
		Thực hiện được >60% - 80% kế hoạch	0,05		
3	Triển khai tổ chức truyền thông - giáo dục về SKSS cho vị thành niên theo chủ đề trong và/hoặc ngoài trường học	Thực hiện được 95% kế hoạch	0,2		
		Thực hiện được >80% - 95% kế hoạch	0,15		
		Thực hiện được >60% - 80% kế hoạch	0,1		
4	Triển khai đào tạo về về tư vấn và cung cấp dịch vụ CSSKSS nam giới	Thực hiện được 95% kế hoạch	0,2		
		Thực hiện được >80% - 95% kế hoạch	0,15		
		Thực hiện được >60% - 80% kế hoạch	0,1		
VII	Giám sát - hỗ trợ kỹ thuật		1,5		
1	Có kế hoạch tổ chức giám sát hỗ trợ kỹ thuật (năm/quý) cho các cơ sở cung cấp dịch vụ Xem kế hoạch	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		
2	Thành phần đoàn giám sát có sự tham gia của các đơn vị liên quan Xem kế hoạch	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,15		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
		Không thực hiện	0		
3	Đối tượng giám sát: Có đầy đủ các cơ sở cung cấp dịch vụ các tuyến (bao gồm cả tư nhân) và đội ngũ YTTB/Cô đỡ thôn, bản	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,15		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		
4	Nội dung giám sát có các nội dung chính của công tác CSKSSS: Khám thai, quản lý thai; triển khai Sơ TD SKBMTE; dự phòng lây truyền HIV/giang mai/viêm gan B me-con; sàng lọc tiểu đường thai kỳ; EENC; cấp cứu sản khoa; thẩm định TVM; hồi sức trẻ sơ sinh/giúp trẻ thở; xử trí lồng ghép trẻ bệnh; phòng chống NK và Ung thư sinh sản; cung cấp dịch vụ KHHGD; PTAT; CSSKSS VTN và nam giới; công tác phòng chống nhiễm khuẩn; công tác truyền thông - tư vấn; công tác thông kê, báo cáo về SKSS...	Có 80% - 100% nội dung giám sát	0,3		
		Có 60% - <80% nội dung giám sát	0,25		
		Có 40% - <60% nội dung giám sát	0,2		
5	Có văn bản phản hồi về kết quả giám sát gửi đến các đơn vị được giám sát	Thực hiện đầy đủ theo đúng quy định (kiểm tra văn bản lưu)	0,2		
		Thực hiện không đầy đủ	0,1		
		Không thực hiện	0		
6	Giám sát hỗ trợ kỹ thuật đối với tuyến huyện	Tỷ lệ cơ sở CSSKSS tuyến huyện được giám sát bởi tuyến tỉnh đạt 100%	0,2		
		Tỷ lệ cơ sở CSSKSS tuyến huyện được giám sát bởi tuyến tỉnh đạt >80% - 99%	0,15		
		Tỷ lệ cơ sở CSSKSS tuyến huyện được giám sát bởi tuyến tỉnh đạt >70% - 80%	0,1		
		Tỷ lệ cơ sở CSSKSS	0,05		

TT (1)	Nội dung kiểm tra chấm điểm (2)	Kết quả thực hiện (3)	Điểm chuẩn (4)	Điểm tự chấm (5)	Điểm kiểm tra (6)
		tuyển huyện và tư nhân được giám sát bởi tuyển tỉnh đạt >50% - 70%			
7	Giám sát hỗ trợ kỹ thuật đối với tuyển xã - bao gồm các PKĐK khu vực, nhà hộ sinh	Tỷ lệ cơ sở CSSKSS tuyển xã được giám sát bởi tuyển tỉnh/huyện đạt 100%	0,3		
		Tỷ lệ cơ sở CSSKSS tuyển xã được giám sát bởi tuyển tỉnh/huyện đạt >80% - 99%	0,25		
		Tỷ lệ cơ sở CSSKSS tuyển xã được giám sát bởi tuyển tỉnh/huyện đạt >70% - 80%	0,22		
		Tỷ lệ cơ sở CSSKSS tuyển xã được giám sát bởi tuyển tỉnh/huyện đạt >50% - 70%	0,2		
	Tổng cộng		8		